ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3979 /QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 13/2026/TT-BTP ngày 30/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số nội dung về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 01565/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Báo và Phát Thanh, Truyền hình Cà Mau;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- BGĐ Trung tâm PVHCC tỉnh (PL);
- Lưu: VT.KT352/26.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Luân

Số: 3979/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-11-02T18:26:05+07:00

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH; ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
I	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**			
1	1.116351.H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
2	1.013778.H12	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
3	1.013771.H12	Thủ tục cấp Giấy phép gia công hàng hóa thuộc diện hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
4	1.001379.H12	Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
5	2.000654.H12	Thay đổi cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
6	2.000006.H12	Cấp phép quá cảnh hàng hoá của nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam (TTHC có hiệu lực 01/01/2027)	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
7	1.013982.H12	Gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam (TTHC có hiệu lực 01/01/2027)	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
8	2.000521.H12	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia (TTHC có hiệu lực 01/01/2027)	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
9	1.000678.H12	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm Campuchia (TTHC có hiệu lực 01/01/2027)	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
10	1.001051.H12	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý (TTHC có hiệu lực 01/01/2027)	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
11	2.000517.H12	Cấp phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh (TTHC có hiệu lực 01/01/2027)	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
12	1.001382.H12	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
13	2.001192.H12	Thủ tục cấp Giấy phép gia công quân phục xuất khẩu cho các lực lượng vũ trang nước ngoài	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
14	1.002808.H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép gia công quân phục và Giấy phép nhập khẩu quân phục để làm mẫu	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
15	2.001315.H12	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu quân phục để làm mẫu phục vụ hoạt động gia công	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
16	2.001282.H12	Thủ tục Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện áp dụng biện pháp tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
17	1.012168.H12	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
18	1.012527.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
19	1.115117.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu UAE-VN	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
20	1.000695.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu E	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
21	1.000603.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AK	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
22	1.000432.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AJ	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
23	2.000303.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AI	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
24	1.000694.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AANZ	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
25	1.000676.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu S	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
26	2.000260.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu X	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
27	1.000686.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VJ	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
28	1.000664.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VC	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
29	1.000431.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VK	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
30	1.000382.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu EAV	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
31	1.000490.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi một chiều Mẫu A	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
32	1.000450.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu B	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
33	1.000665.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu D	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
34	1.000430.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu DA59	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
35	1.000398.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
36	1.003477.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) mẫu Peru	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
37	1.003400.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
38	1.002960.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất cứ hàng hóa (C/O) mẫu Venezuela	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
39	1.001383.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
40	1.014119.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VI	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
41	1.003522.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
42	2.001372.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
43	1.007968.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AHK	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh

44	1.008361.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
45	1.008667.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
46	1.010056.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
47	1.010762.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
48	1.001274.H12	Cấp Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ (CNM)	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
49	1.013642.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu GSTP	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
50	1.013643.H12	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
51	1.000366.H12	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
52	1.008882.H12	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
53	1.013987.H12	Chấp thuận các tài liệu an toàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	Dầu khí	Cấp tỉnh
54	2.000140.H12	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động	Cấp tỉnh
55	2.000066.H12	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động	Cấp tỉnh
56	1.012427.H12	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Cụm công nghiệp	Cấp tỉnh
57	1.013411.000.00.00.H12	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Cấp tỉnh
58	1.013412.H12	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Cấp tỉnh
59	1.013416.H12	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Cấp tỉnh
60	1.013401.H12	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Cấp tỉnh
61	1.013417.H12	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Điện	Cấp tỉnh
62	1.013418.H12	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Cấp tỉnh
63	1.013419.H12	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Cấp tỉnh
64	1.013420.H12	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Điện	Cấp tỉnh
65	1.013421.H12	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Cấp tỉnh
66	1.013004.H12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện	Cấp tỉnh
67	1.013005.H12	Điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện	Cấp tỉnh
68	2.002676.H12	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện	Cấp tỉnh
69	1.013395.H12	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện	Cấp tỉnh
70	1.013394.H12	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện	Cấp tỉnh
71	3.000619 .H12	Chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện	Điện	Cấp tỉnh
72	3.000620.H12	Điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện	Điện	Cấp tỉnh
73	2.001573.H12	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh
74	1.003705.H12	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh
75	2.000324.H12	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh
76	2.000609.H12	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh
77	2.000309.H12	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh
78	2.000631.H12	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh
79	2.000229.H12	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
80	2.000210.H12	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
81	1.013049.H12	Đăng ký mới để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
82	1.013050.H12	Đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh

83	2.001575.H12	Cấp giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
84	1.003698.H12	Cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
85	2.000578.H12	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp (TTHC có hiệu lực 01/7/2026)	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
86	1.013340.H12	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
87	1.013350.H12	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5. loại 8	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
88	1.013351.H12	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
89	2.001434.H12	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
90	2.001433.H12	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
91	1.013058.H12	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
92	1.000998.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
93	1.000965.H12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
94	1.003401.H12	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
95	2.000221.H12	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
96	2.000172.H12	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh
97	1.000425.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	Cấp tỉnh
98	1.010696.H12	Cấp giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh
99	2.000645.H12	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh
100	2.000647.H12	Cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh
101	2.000648.H12	Cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh
102	2.000673.H12	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh
103	2.000666. H12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh
104	2.000664.H12	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh
105	2.000669.H12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh
106	2.000672.H12	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh
107	1.115397.H12	Phê duyệt đề xuất hỗ trợ đối với Thành viên của Hệ thống sinh thái tận dụng các FTA	Hội nhập Kinh tế Quốc tế	Cấp tỉnh
108	1.115398.H12	Phê duyệt đề xuất sửa đổi hoặc ngừng thực hiện đề xuất hỗ trợ thành viên của hệ sinh thái tận dụng FTA	Hội nhập Kinh tế Quốc tế	Cấp tỉnh
109	1.115399.H12	Thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng.	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
110	1.115400.H12	Chấm dứt hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
111	2.000026.H12	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
112	2.000133.H12	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh

113	2.000033.H12	Thông báo hoạt động khuyến mại	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
114	2.000004.H12	Đăng ký hoạt động khuyến mại theo hình thức mang tính chất may rủi trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
115	2.000002.H12	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
116	2.000001.H12	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
117	2.001474.H12	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
118	2.000131.H12	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
119	2.002604.H12	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
120	2.002606.H12	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
121	2.002608.H12	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
122	2.002607..H12	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
123	2.002605. H12	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh
124	1.012567.H12	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	Cấp tỉnh
125	1.000376.H12	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
126	1.000361.H12	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
127	2.000129.H12	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
128	1.000358.H12	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
129	1.000168.H12	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
130	2.000255.H12	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
131	2.000370.H12	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
132	2.000362.H12	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
133	2.000351.H12	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
134	2.000340.H12	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
135	2.000330.H12	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
136	2.000272.H12	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
137	2.000361.H12	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
138	1.000774.H12	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
139	2.000339.H12	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
140	2.000334.H12	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện dích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
141	2.000322.H12	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
142	2.002166.H12	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
143	2.000665.H12	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
144	1.001441.H12	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
145	2.000662.H12	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
146	2.000450.H12	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh

147	2.000063.H12	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
148	2.000347.H12	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
149	2.000327.H12	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
150	2.000314.H12	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
151	1.116562.H12	Thủ tục xác nhận nhập khẩu kim cương thô theo Quy chế chứng nhận KP	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
152	1.116563.H12	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại do mất, thất lạc, hư hỏng Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
153	1.000658.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
154	1.000350.H12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
155	1.005405.H12	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
156	1.005406.H12	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
157	1.001062.H12	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
158	1.000957.H12	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
159	1.000905.H12	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
160	1.000890.H12	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
161	1.000477.H12	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
162	1.000363.H12	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
163	1.000400.H12	Cấp Chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
164	1.001238.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
165	1.001104.H12	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
166	1.004191.H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép: kinh doanh tạm nhập, tái xuất; tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác; tạm xuất, tái nhập; kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
167	1.000264.H12	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
168	1.000981.H12	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh
169	1.000948.H12	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh
170	1.000911.H12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh
171	2.000209.H12	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh
172	1.000172.H12	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh
173	1.000949.H12	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh
174	1.001158.H12	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Công nghiệp hỗ trợ	Cấp tỉnh
175	1.014818.H12	Cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Công nghiệp hỗ trợ	Cấp tỉnh
176	1.014820.H12	Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Công nghiệp hỗ trợ	Cấp tỉnh
177	2.000046.H12	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Khoa học công nghệ	Cấp tỉnh
178	2.001682.H12	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
179	1.003951.H12	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
180	2.001660.H12	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
181	1.003860.H12	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
182	2.001595.H12	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
183	1.003929.H12	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
184	2.000117.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh

185	2.000115.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
186	2.000591. H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
187	2.000535. H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
188	2.000191.H12	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cấp tỉnh
189	1.005190.H12	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại	Cấp tỉnh
190	2.000110.H12	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại	Cấp tỉnh
191	1.012471.H12	Xét tặng danh hiệu "nghệ nhân dân dân" "nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh	Thủ công mỹ nghệ	Cấp tỉnh
192	1.000421.H12	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép quá cảnh	Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh
193	1.001335.H12	Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh
194	1.014722.H12	Cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất	Hóa chất	Cấp tỉnh
195	1.014724.H12	Cấp lại chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Hóa chất	Cấp tỉnh
196	1.014726.H12	Cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Hóa chất	Cấp tỉnh
197	1.014728.H12	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Cấp tỉnh
198	1.014732.H12	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Cấp tỉnh
199	1.014735.H12	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Cấp tỉnh
200	1.014734.H12	Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Cấp tỉnh
201	1.014733.H12	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Cấp tỉnh
202	1.014731.H12	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Cấp tỉnh
203	1.014730.H12	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Cấp tỉnh
204	1.014729.H12	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Cấp tỉnh
205	2.002836.H12	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Cấp tỉnh
206	1.014727.H12	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	Hóa chất	Cấp tỉnh
207	1.014725.H12	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	Hóa chất	Cấp tỉnh
208	1.014723.H12	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	Hóa chất	Cấp tỉnh
209	1.014721.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện	Hóa chất	Cấp tỉnh
210	1.014720.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện	Hóa chất	Cấp tỉnh
211	1.014714.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện	Hóa chất	Cấp tỉnh
212	2.002834.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	Hóa chất	Cấp tỉnh
213	1.014710.H12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	Hóa chất	Cấp tỉnh
214	1.003683.H12	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	Hóa chất	Cấp tỉnh
215	1.014700.H12	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	Hóa chất	Cấp tỉnh
216	1.014701.H12	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	Hóa chất	Cấp tỉnh
217	1.014702.H12	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	Hóa chất	Cấp tỉnh
218	1.014703.H12	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	Hóa chất	Cấp tỉnh
219	1.014708.H12	Cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	Hóa chất	Cấp tỉnh
220	1.014709.H12	Cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	Hóa chất	Cấp tỉnh
221	1.014707.H12	Cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	Hóa chất	Cấp tỉnh
222	1.014711.H12	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (phân cấp về Ủy ban nhân dân tỉnh)	Hóa chất	Cấp tỉnh
223	1.014712.H12	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (phân cấp về Ủy ban nhân dân tỉnh)	Hóa chất	Cấp tỉnh

224	1.014713.H12	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (phân cấp về Ủy ban nhân dân tỉnh)	Hóa chất	Cấp tỉnh
225	1.014967.H12	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Cấp tỉnh
226	1.014968.H12	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Cấp tỉnh
227	1.014969.H12	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Cấp tỉnh
228	1.115417.H12	Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	Thương mại điện tử	Cấp tỉnh
229	1.115418.H12	Sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	Thương mại điện tử	Cấp tỉnh
230	1.115419.H12	Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	Thương mại điện tử	Cấp tỉnh
231	1.115420.H12	Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	Thương mại điện tử	Cấp tỉnh
232	1.115421.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	Thương mại điện tử	Cấp tỉnh
233	1.115422.H12	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	Thương mại điện tử	Cấp tỉnh
234	1.014692.H12	Thủ tục chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Quản lý vùng trời	Cấp tỉnh
235	1.116644.H12	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
236	1.116652.H12	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
237	1.116653.H12	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
238	1.116654.H12	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
239	1.116655.H12	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
240	1.116656.H12	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
241	1.116657.H12	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
242	1.116649.H12	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
243	1.116646.H12	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản, xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
244	1.116651.H12	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
245	1.116650.H12	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
246	1.116675.H12	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
247	1.116676.H12	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
248	1.116645.H12	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
249	1.116658.H12	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
250	1.116659.H12	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
251	1.116660.H12	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
252	1.116661.H12	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
253	1.116662.H12	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
254	1.116680.H12	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
255	1.116663.H12	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
256	1.116673.H12	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
257	1.116664.H12	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
258	1.116665.H12	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
259	1.116666.H12	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh

260	1.116667.H12	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
261	1.116668.H12	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
262	1.116669.H12	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
263	1.116670.H12	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
264	1.116671.H12	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
265	1.116672.H12	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
266	1.116674.H12	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
267	1.116648.H12	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
268	1.116647.H12	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh
269	1.116677.H12	Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	Địa chất và khoáng sản	
270	2.002620.H12	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cấp xã
271	1.012568.H12	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý.	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư quản lý	Cấp xã
272	1.012569.H12	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ.	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư quản lý	Cấp xã
273	1.115377.H12	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp	Điện lực	Cấp xã
274	1.116679.H12	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Địa chất và khoáng sản	Cấp xã
275	1.116678.H12	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Địa chất và khoáng sản	Cấp xã
II	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**			
276	1.012616.H12	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
277	1.012628.H12	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
278	1.012629H12	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 34 của luật tín ngưỡng, tôn giáo	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
279	1.012664.H12	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
280	1.012657.H12	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
281	1.012659.H12	Thủ tục đăng ký thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xoá án tích	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
282	1.012632.H12	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
283	1.012641.H12	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
284	1.012637.H12	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
285	1.012605.H12	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
286	1.012646.H12	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
287	1.012648.H12	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
288	1.012658.H12	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
289	1.012645.H12	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
290	1.012656.H12	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
291	1.012653.H12	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam đến địa bàn tỉnh khác	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
292	1.012661.H12	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
293	1.012606.H12	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh

294	1.012607.H12	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
295	1.012639.H12	Thủ tục đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
296	1.012672.H12	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
297	1.012655.H12	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
298	1.014339.H12	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
299	1.012660.H12	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp tỉnh
300	1.012222.H12	Công nhận người có uy tín	Công tác dân tộc	Cấp xã
301	1.012223.H12	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Công tác dân tộc	Cấp xã
302	1.012591.H12	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp xã
303	1.012592.H12	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp xã
304	1.012590.H12	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp xã
305	1.012585.H12	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp xã
306	1.013798.H12	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp xã
307	1.012584.H12	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp xã
308	1.012582.H12	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp xã
309	1.013797.H12	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp xã
310	1.013796.H12	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp xã
III	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**			
311	1.004528.H12	Công nhận điểm du lịch	Du lịch	Cấp tỉnh
312	2.001628.H12	Cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ Lữ hành nội địa	Du lịch	Cấp tỉnh
313	1.001440.H12	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Du lịch	Cấp tỉnh
314	1.004623.H12	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch	Cấp tỉnh
315	1.001432.H12	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế và hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch	Cấp tỉnh
316	1.004614.H12	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Du lịch	Cấp tỉnh
317	1.003717.H12	Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Cấp tỉnh
318	1.003240.H12	Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Du lịch	Cấp tỉnh
319	1.003275.H12	Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập VPĐD bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Du lịch	Cấp tỉnh
320	1.014144.H12	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Cấp tỉnh
321	1.003002.H12	Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Cấp tỉnh
322	1.001837.H12	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Cấp tỉnh
323	1.004605.H12	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thực cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế.	Du lịch	Cấp tỉnh
324	1.004628.H12	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch	Cấp tỉnh
325	1.003490.H12	Công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Du lịch	Cấp tỉnh
326	1.014629.H12	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản	Du lịch	Cấp tỉnh
327	1.004551.H12	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch	Cấp tỉnh
328	1.004503.H12	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.	Du lịch	Cấp tỉnh
329	1.001455.H12	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.	Du lịch	Cấp tỉnh
330	1.004572.H12	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch	Cấp tỉnh
331	1.004580.H12	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch	Cấp tỉnh

332	1.004594.H12	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	Du lịch	Cấp tỉnh
333	1.014190.H12	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	Du lịch	Cấp tỉnh
334	1.014191.H12	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	Du lịch	Cấp tỉnh
335	1.014192.H12	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	Du lịch	Cấp tỉnh
336	1.005357.H12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
337	1.001517.H12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
338	1.005162.H12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
339	1.000842.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
340	1.000904.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
341	1.001801.H12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
342	1.001195.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
343	1.000560.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
344	1.000830.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
345	1.000544.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
346	1.000883.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
347	1.001213.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
348	1.000983.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
349	1.003441.H12	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
350	1.002445.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
351	2.002188.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
352	1.000485.H12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
353	1.002396.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
354	1.001056.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
355	1.002013.H12	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
356	1.002022.H12	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
357	1.001782.H12	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
358	2.001631.H12	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
359	1.003838.H12	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
360	1.003793.H12	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
361	2.001591.H12	Thủ tục cấp phép khai quật khảo cổ khẩn cấp	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
362	1.003738.H12	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
363	1.001106.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
364	1.003901.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
365	1.002003.H12	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
366	1.001822.H12	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
367	2.001641.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
368	1.001123.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh

369	1.013801.H12	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu *(địa phương)*	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
370	1.013456.H12	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
371	1.014217.H12	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
372	1.014218.H12	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
373	1.014608.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
374	1.014609.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
375	1.014610.H12	Thủ tục bồi hoàn chi phí thực hiện việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
376	1.014611.H12	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
377	1.014612.H12	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di sản tư liệu được ghi vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
378	1.014613.H12	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
379	1.014614.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
380	1.014615.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
381	1.014616.H12	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Cấp tỉnh
382	1.011454.H12	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Điện ảnh	Cấp tỉnh
383	1.011452. H12	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam	Điện ảnh	Cấp tỉnh
384	2.002897.H12	Thủ tục phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị không phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)	Điện ảnh	Cấp tỉnh
385	2.002898.H12	Thủ tục phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị có phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)	Điện ảnh	Cấp tỉnh
386	1.001778.H12	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Cấp tỉnh
387	1.001833.H12	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Cấp tỉnh
388	1.001809.H12	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Cấp tỉnh
389	1.001755.H12	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Cấp tỉnh
390	1.001738.H12	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Cấp tỉnh
391	1.001704.H12	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Cấp tỉnh
392	1.001671.H12	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Cấp tỉnh
393	1.001229.H12	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Cấp tỉnh
394	1.001211.H12	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Cấp tỉnh
395	1.001147.H12	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Cấp tỉnh
396	2.001496.H12	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Cấp tỉnh
397	1.009397.H12	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật	Nghệ thuật biểu diễn	Cấp tỉnh
398	1.009398.H12	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan	Nghệ thuật biểu diễn	Cấp tỉnh
399	1.009399.H12	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn	Cấp tỉnh
400	1.009403.H12	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn	Cấp tỉnh
401	1.003676.H12	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Văn hóa cơ sở	Cấp tỉnh
402	1.003654.H12	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Văn hóa cơ sở	Cấp tỉnh
403	1.003743.H12	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh	Văn hóa cơ sở	Cấp tỉnh
404	1.003784.H12	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Văn hóa cơ sở	Cấp tỉnh
405	1.004650.H12	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Quảng cáo	Cấp tỉnh
406	1.004645.H12	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Quảng cáo	Cấp tỉnh

407	1.003560.H12	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	Cấp tỉnh
408	1.001376.H12	Xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân"	Thi đua, khen thưởng	Cấp tỉnh
409	1.001108.H12	Xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ ưu tú"	Thi đua, khen thưởng	Cấp tỉnh
410	1.001032.H12	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua, khen thưởng	Cấp tỉnh
411	1.000971.H12	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể"	Thi đua, khen thưởng	Cấp tỉnh
412	1.000871.H12	Xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh" về văn học, nghệ thuật	Thi đua, khen thưởng	Cấp tỉnh
413	1.000564.H12	Xét tặng "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật.	Thi đua, khen thưởng	Cấp tỉnh
414	1.012080.H12	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Cấp tỉnh
415	1.012081.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Cấp tỉnh
416	1.012082.H12	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Cấp tỉnh
417	1.006412.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	Cấp tỉnh
418	1.001082.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	Cấp tỉnh
419	1.001091.H12	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	Cấp tỉnh
420	2.002839. H12	Thủ tục lựa chọn đề cương để hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	Văn học	Cấp tỉnh
421	2.002840. H12	Thủ tục hỗ trợ sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	Văn học	Cấp tỉnh
422	1.003801.H12	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan	Bản quyền tác giả	Cấp tỉnh
423	1.003780.H12	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan	Bản quyền tác giả	Cấp tỉnh
424	1.003948.H12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan	Bản quyền tác giả	Cấp tỉnh
425	1.003922.H12	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan	Bản quyền tác giả	Cấp tỉnh
426	1.009374.H12	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí	Cấp tỉnh
427	1.009386.H12	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí	Cấp tỉnh
428	1.013781.H12	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Cấp tỉnh
429	1.013782.H12	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Cấp tỉnh
430	1.013784.H12	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Cấp tỉnh
431	1.013785.H12	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Cấp tỉnh
432	1.013788.H12	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	Báo chí	Cấp tỉnh
433	1.013789.H12	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	Báo chí	Cấp tỉnh
434	1.013790.H12	Thủ tục tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	Báo chí	Cấp tỉnh
435	3.000574.H12	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử (đối với cơ quan báo chí của địa phương)	Báo chí	Cấp tỉnh
436	1.001037.H12	Cấp phép làm cộng tác viên của Văn phòng thường trú báo chí nước ngoài tại Việt Nam	Báo chí nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
437	1.001100.H12	Cấp phép làm trợ lý báo chí của Văn phòng thường trú báo chí nước ngoài tại Việt Nam	Báo chí nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
438	1.116487.H12	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí nhập khẩu đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
439	1.003888.H12	Trưng bày tranh ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Thông tin đối ngoại	Cấp tỉnh
440	1.003868.H12	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Xuất bản, in và phát hành	Cấp tỉnh
441	2.001594.H12	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	Xuất bản, in và phát hành	Cấp tỉnh
442	2.001584.H12	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	Cấp tỉnh
443	2.001564.H12	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (địa phương)	Xuất bản, in và phát hành	Cấp tỉnh
444	2.001740.H12	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	Xuất bản, in và phát hành	Cấp tỉnh
445	2.001737.H12	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	Xuất bản, in và phát hành	Cấp tỉnh

446	1.003483.H12	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	Cấp tỉnh
447	1.013698.H12	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất bản, in và phát hành	Cấp tỉnh
448	1.013699.H12	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất bản, in và phát hành	Cấp tỉnh
449	2.001765.H12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
450	1.003384.H12	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
451	2.001098.H12	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
452	1.005452.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
453	2.001091.H12	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
454	1.002001.H12	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
455	1.001976.H12	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
456	2.002738.H12	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
457	1.004508.H12	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
458	2.002739.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo pháthành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
459	2.002772.H12	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
460	2.002773.H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
461	2.001168. H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
462	2.001169. H12	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
463	1.004250. H12	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
464	1.004104. H12	Thủ tục công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
465	3.000575.H12	Thủ tục chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (cho cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
466	1.004321. H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
467	1.004233. H12	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
468	1.116208.H12	Thủ tục chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp tỉnh
469	1.003622.H12	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa cơ sở	Cấp xã
470	1.013791.H12	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa cơ sở	Cấp xã
471	1.014310.H12	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa	Cấp xã
472	1.014312.H12	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa	Cấp xã
473	1.012084.H12	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Gia đình	Cấp xã
474	1.012085.H12	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Gia đình	Cấp xã
475	1.013792.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp xã
476	1.013793.H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp xã
477	1.013794.H12	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp xã
478	2.000794.H12	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục, thể thao	Cấp xã
479	3.000569.H12	Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã)	Xuất bản, in và phát hành	Cấp xã
480	3.000570.H12	Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã)	Xuất bản, in và phát hành	Cấp xã
481	3.000576.H12	Thủ tục khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	Cấp xã
IV	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ**			
482	1.012926.H12	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh

483	1.012929.H12	Thủ tục thành lập hội	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
484	1.012942.H12	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
485	1.012943.H12	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
486	1.012945.H12	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
487	1.012946.H12	Thủ tục hội tự giải thể	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
488	1.012947.H12	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
489	1.012948.H12	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
490	1.014936.H12	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
491	1.014937.H12	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ; Công nhận Hội đồng quản lý quỹ khi thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
492	1.014938.H12	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
493	1.014939.H12	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
494	1.014940.H12	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
495	1.014941.H12	Thủ tục quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp tỉnh
496	1.013702.H12	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội.	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
497	1.013703.H12	Thủ tục thành lập hội.	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
498	1.013704.H12	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
499	1.013706.H12	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội.	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
500	1.013707.H12	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội.	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
501	1.013708.H12	Thủ tục hội tự giải thể.	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
502	1.013709.H12	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
503	1.013710.H12	Thủ tục hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
504	1.014942.H12	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
505	1.014943.H12	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ; công nhận Hội đồng quản lý quỹ khi thay đổi bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
506	1.014944.H12	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
507	1.014945.H12	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
508	1.014946.H12	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
509	1.014947.H12	Thủ tục quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Cấp xã
510	1.013932.H12	Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước	Văn thư, Lưu trữ nhà nước	Cấp tỉnh
511	1.013937.H12	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt	Văn thư, Lưu trữ nhà nước	Cấp tỉnh
512	2.001683.H12	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Lĩnh vực Công tác thanh niên	Cấp tỉnh
513	1.010772.H12	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh- Trung ương
514	1.010778.H12	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh- Trung ương

515	1.010781.H12	Cấp bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh- Trung ương
516	1.010783.H12	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh- Trung ương
517	1.010777.H12	Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công"	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh- Trung ương
518	1.010788.H12	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh- Trung ương
519	1.010774.H12	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh- Trung ương
520	1.010790. H12	Khám giám định phúc quyết của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp tỉnh- Trung ương
521	1.010792.H12	Khám giám định phúc quyết lần cuối của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp tỉnh- Trung ương
522	1.010775.H12	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp tỉnh- Trung ương
523	1.010802.H12	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
524	1.010803.H12	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
525	1.010804.H12	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
526	1.010805.H12	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
527	1.010806.H12	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
528	1.010810.H12	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
529	1.010811.H12	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
530	1.010812.H12	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
531	1.010814.H12	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
532	1.010815.H12	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
533	1.010816.H12	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
534	1.010817.H12	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
535	1.010818.H12	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
536	1.010819.H12	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
537	1.010820.H12	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Lĩnh vực Người có công	TTHC liên thông cấp xã- tỉnh
538	1.010807.H12	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
539	1.010808.H12	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
540	1.013748.H12	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
541	1.010813.H12	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh

542	1.010809.H12	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
543	.1.010821.H12	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
544	1.010801.H12	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
545	1.010824.H12	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
546	1.010825.H12	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
547	1.014359.H12	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
548	1.010826.H12	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
549	1.010827.H12	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
550	1.010823.H12	Hưởng lại chế độ ưu đãi	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
551	1.010828.H12	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
552	1.010829.H12	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
553	1.010830.H12	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
554	2.001157.H12	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
555	2.001396.H12	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
556	1.004964.H12	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
557	1.013746.H12	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
558	1.013747.H12	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
559	1.013749.H12	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
560	1.010822.H12	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
561	1.010831.H12	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
562	2.002308.H12	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống pháp	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
563	2.002307.H12	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Lĩnh vực Người có công	Cấp tỉnh
564	1.013750.H12	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Lĩnh vực Người có công	Cấp xã
565	1.010833.H12	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Lĩnh vực Người có công	Cấp xã
566	2.001955.H12	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lĩnh vực Lao động – Tiền lương	Cấp tỉnh
567	1.000414.H12	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Lĩnh vực Lao động – Tiền lương	Cấp tỉnh
568	1.009466.H12	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	Lĩnh vực Lao động – Tiền lương	Cấp tỉnh
569	1.009467.H12	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	Lĩnh vực Lao động – Tiền lương	Cấp tỉnh
570	1.012091.H12	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	Lĩnh vực Lao động – Tiền lương	Cấp tỉnh
571	1.015021.H12	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp tỉnh
572	2.002820.H12	Hỗ trợ người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp tỉnh
573	1.000502.H12	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp tỉnh

574	1.013730.H12	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp tỉnh
575	1.013734.H12	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp xã
576	1.115478.H12	Cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia	Việc làm	Cấp tỉnh
577	1.115479.H12	Cấp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia	Việc làm	Cấp tỉnh
578	1.115480.H12	Cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Việc làm	Cấp tỉnh
579	1.115481.H12	Cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Việc làm	Cấp tỉnh
580	1.115482.H12	Đề nghị hỗ trợ tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Việc làm	Cấp tỉnh
581	1.115483.H12	Đề nghị hỗ trợ tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề	Việc làm	Cấp tỉnh
582	1.014745.H12	Tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Việc làm	Cấp tỉnh
583	1.014746.H12	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	Việc làm	Cấp tỉnh
584	1.014747.H12	Hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề	Việc làm	Cấp tỉnh
585	1.014748.H12	Hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp tỉnh
586	1.014749.H12	Thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm	Việc làm	Cấp tỉnh
587	1.014750.H12	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp tỉnh
588	1.014751.H12	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp tỉnh
589	1.014752.H12	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp tỉnh
590	1.014753.H12	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp tỉnh
591	1.014754.H12	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	Việc làm	Cấp tỉnh
592	1.014199.H12	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp tỉnh
593	1.014200.H12	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp tỉnh
594	1.014201.H12	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp tỉnh
595	1.014196.H12	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp tỉnh
596	1.014197.H12	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp tỉnh
597	1.014198.H12	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp tỉnh
598	2.002821.H12	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	Việc làm	Cấp xã
599	2.000111.H12	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	An toàn lao động	Cấp tỉnh
600	2.002340.H12	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.	An toàn lao động	Cấp tỉnh
601	2.002341.H12	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	An toàn lao động	Cấp tỉnh
602	2.002342.H12	Thủ tục giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hằng tháng.	An toàn lao động	Cấp tỉnh
603	2.002343.H12	Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	An toàn lao động	Cấp tỉnh
604		Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 16/2026/TT-BNV	An toàn lao động	Cấp tỉnh
605	1.014160.H12	Đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội và cấp sổ bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
606	1.014162.H12	Điều chỉnh thông tin đăng ký kê khai tham gia bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
607	1.014163.H12	Hưởng trợ cấp ốm đau	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
608	1.014164.H12	Hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ sau khi ốm đau	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
609	1.014165.H12	Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ đi khám thai, lao động nữ sảy thai, phá thai hoặc có thai chết trong tử cung, thai chết trong khi chuyển dạ, thai ngoài tử cung;người lao động thực hiện biện pháp tránh thai	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh

610	1.014166.H12	Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ sinh con, lao động nữ mang thai hộ sinh con, lao động nữ nhờ mang thai hộ	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
611	1.014167.H12	Hưởng chế độ thai sản đối với người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
612	1.014168.H12	Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nam khi vợ sinh con, người chồng của lao động nữ nhờ mang thai hộ, người chồng của lao động nữ mang thai hộ khi vợ sinh con	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
613	1.014169.H12	Hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ sau thai sản	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
614	1.014170.H12	Hưởng trợ cấp thai sản đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
615	1.014171.H12	Hưởng lương hưu đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
616	1.014172.H12	Hưởng lương hưu đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
617	1.014173.H12	Hưởng bảo hiểm xã hội một lần	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
618	1.014174.H12	Hưởng trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng ra nước ngoài để định cư	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
619	1.014175.H12	Tiếp tục hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng trong trường hợp đã bị tạm dừng hoặc chấm dứt hưởng	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
620	1.014176.H12	Thay đổi hình thức nhận, nơi nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
621	1.014177.H12	Hưởng trợ cấp mai táng	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
622	1.014178.H12	Hưởng trợ cấp tuất hằng tháng	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
623	1.014179.H12	Hưởng trợ cấp tuất một lần	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
624	1.014180.H12	Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
625	1.014181.H12	Tính thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người lao động làm việc thuộc khu vực nhà nước, nghỉ chờ việc từ ngày 01 tháng 11 năm 1987 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 1995	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
626	1.014182.H12	Tính thời gian công tác đối với người lao động đi hợp tác lao động trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 và giải quyết chế độ tử tuất đối với người lao động đã chết sau khi đi hợp tác lao động về nước nhưng thân nhân chưa được hưởng chế độ tử tuất	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
627	1.014183.H12	Chế độ đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
628	1.014184.H12	Chế độ đối với thân nhân người đang hưởng trợ cấp hằng tháng chết trước khi hết thời hạn hưởng trợ cấp	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
629	1.014185.H12	Xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của người lao động để làm căn cứ giải quyết, điều chỉnh chế độ hưu trí, tử tuất	Bảo hiểm xã hội	Cấp tỉnh
630	1.014319.H12	Thủ tục tuyển chọn Kiến trúc sư trưởng cấp bộ, cấp tỉnh, dự án	Lao động	Cấp tỉnh
631	1.014111.H12	Thi tuyển công chức	Công chức, viên chức	Cấp tỉnh
632	1.014113.H12	Xét tuyển công chức	Công chức, viên chức	Cấp tỉnh
633	1.115959.H12	Thủ tục thi tuyển viên chức	Công chức, viên chức	Cấp tỉnh
634	1.115960.H12	Thủ tục xét tuyển viên chức	Công chức, viên chức	Cấp tỉnh
635	1.014352.H12	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	Công chức, viên chức	Cấp tỉnh
636	1.117102.H12	Thủ tục tặng, truy tặng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" cho cá nhân	Thi đua khen thưởng	Cấp tỉnh
637	1013263.H12	Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Thi đua khen thưởng	Cấp tỉnh
638	1.013264.H12	Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Thi đua khen thưởng	Cấp tỉnh
639	1.013264.H12	Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Thi đua khen thưởng	Cấp tỉnh
V	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**			
640	2.000450.H12	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
641	2.000063.H12	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
642	2.000347.H12	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
643	2.000327.H12	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
644	2.000314.H12	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh
645	2.002728.H12	Cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Cấp tỉnh
646	2.002731.H12	Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Cấp tỉnh
647	2.002729.H12	Cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Cấp tỉnh
648	2.002732.H12	Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Cấp tỉnh
649	1.013239.H12	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh

650	1.013236.H12	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
651	1.013238.H12	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
652	1.01323.H12	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
653	1.013231.H12	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
654	1.013233.H12	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
655	1.013235.H12	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
656	1.009794.H12	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Cấp tỉnh
657	2.002603.H12	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Cấp tỉnh
658	1.014155.H12	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Cấp tỉnh
659	1.014156.H12	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Cấp tỉnh
660	1.014157.H12	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Cấp tỉnh
661	1.014158.H12	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Cấp tỉnh
662	1.014159.H12	Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Cấp tỉnh
663	1.014316.H12	Hỗ trợ chi phí	Hỗ trợ đầu tư	Cấp tỉnh
664	1.009491.H12	Trình tự chuẩn bị dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Cấp tỉnh
665	1.009492.H12	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Cấp tỉnh
666	1.115143.H12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
667	1.115144.H12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
668	1.115145.H12	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
669	1.115146.H12	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
670	1.115147.H12	Thủ tục áp dụng biện pháp bảo đảm đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
671	1.009645.H12	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
672	1.009646.H12	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
673	1.009642.H12	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
674	1.009644.H12	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh

675	1.009659.H12	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
676	1.009748.H12	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
677	1.009759.H12	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
678	1.009755.H12	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
679	1.00977.H12	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
680	2.002725.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
681	2.002727.H12	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
682	1.009664.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
683	1.009647.H12	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
684	1.009665.H12	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
685	1.009671.H12	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
686	1.009729.H12	Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
687	1.009731.H12	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
688	1.009736.H12	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
689	1.009661.H12	Thủ tục thông báo về việc tự quyết định ngừng hoạt động dự án của nhà đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
690	1.009662.H12	Thủ tục thông báo về việc tự quyết định chấm dứt hoạt động dự án của nhà đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp tỉnh
VI	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**			
691	1.015014.H12	Công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
692	1.015016.H12	Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
693	1.013916.H12	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
694	1.013919.H12	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
695	1.013924.H12	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
696	1.013925.H12	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
697	1.013928.H12	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
698	1.013955.H12	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
699	1.013968.H12	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
700	1.013973.H12	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
701	1.013922.H12	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
702	1.013942.H12	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
703	1.013954.H12	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
704	1.013966.H12	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
705	1.013970.H12	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
706	1.013972.H12	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
707	1.013974.H12	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	Sở hữu trí tuệ	Cấp tỉnh
708	1.014674.H12	Khai báo thiết bị Xquang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
709	1.014675.H12	Thủ tục Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
710	1.014679.H12	Thủ tục Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
711	1.014676.H12	Thủ tục Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh

712	1.014677.H12	Thủ tục Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
713	1.014678.H12	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)).	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
714	1.014642.H12	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác.	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
715	1.014645.H12	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ-thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
716	1.014648.H12	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
717	1.014656.H12	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
718	1.014657.H12	Khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
719	1.014660.H12	Thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
720	1.014661.H12	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
721	1.014662.H12	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
722	1.014665.H12	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
723	1.014666.H12	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đánh giá hoạt độ phóng xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
724	1.014667.H12	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
725	1.014671.H12	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Tẩy xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
726	1.014673.H12	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thử nghiệm thiết bị bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
727	1.115137.H12	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
728	1.115138.H12	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ-sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
729	1.115139.H12	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ-sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
730	1.115140.H12	Gia hạn Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
731	1.115141.H12	Sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp tỉnh
732	1.014987.H12	Thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
733	1.014986.H12	Thủ tục đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
734	1.014988.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
735	1.014989.H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
736	1.014990.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
737	1.014991.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh

738	1.014992.H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
739	1.014993.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
740	1.012353.H12	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
741	1.013918.H12	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
742	1.013927.H12	Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
743	1.013944.H12	Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư -	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
744	1.014451.H12	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
745	1.014452.H12	Thủ tục sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
746	2.002544.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
747	2.002248.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
748	2.002249.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
749	2.002546.H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
750	2.002548.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
751	1.014538.H12	Thủ tục hỗ trợ hoạt động sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật hoặc hợp lý hóa sản xuất (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
752	1.014539.H12	Thủ tục hỗ trợ hoạt động truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phổ biến tri thức (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
753	2.002711.H12	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
754	1.014436.H12	Thủ tục công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
755	1.014525.H12	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
756	1.014526.H12	Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
757	2.002724.H12	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
758	1.014383.H12	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
759	1.014393.H12	Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
760	1.014389.H12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
761	1.014390.H12	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
762	1.014391.H12	Cấp Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
763	1.014444.H12	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
764	1.014392.H12	Thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
765	1.014388.H12	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
766	1.014394.H12	Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
767	1.014431.H12	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
768	1.014432.H12	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh

769	1.014437.H12	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
770	1.014438.H12	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
771	1.014439.H12	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
772	1.014440.H12	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
773	1.014445.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
774	1.014446.H12	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
775	1.014433.H12	Thủ tục công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
776	1.014435.H12	Thủ tục công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
777	1.014536.H12	Thủ tục hỗ trợ tổ chức hội thảo khoa học tại Việt Nam (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
778	1.014549.H12	Thủ tục hỗ trợ tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
779	1.014537.H12	Thủ tục hỗ trợ phát triển tạp chí khoa học (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
780	1.014551.H12	Thủ tục hỗ trợ công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
781	1.014459.H12	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
782	1.014460.H12	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
783	1.014461.H12	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
784	1.014540.H12	Thủ tục hỗ trợ thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
785	1.014541.H12	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ và học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
786	1.014547.H12	Thủ tục hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
787	1.014453.H12	Thủ tục đề nghị hỗ trợ lãi suất vay	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
788	1.014454.H12	Thủ tục đề xuất tham gia chương trình hỗ trợ voucher.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
789	1.014541.H12	Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ dành cho tổ chức (cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
790	1.014382.H12	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú, không hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
791	1.115699.H12	Thủ tục công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
792	1.115700.H12	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
793	1.115701.H12	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
794	1.115702.H12	Thủ tục xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
795	1.115704.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
796	1.115703.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
797	1.014319 .H12	Thủ tục tuyển chọn Kiến trúc sư trưởng cấp bộ, cấp tỉnh, Dự án	Lao động	Cấp tỉnh
798	1.014352.H12	Tuyển chọn chuyên gia	Công chức, viên chức	Cấp tỉnh
799	2.002775.H12	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh

800	2.002776.H12	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
801	2.002777.H12	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
802	2.002778.H12	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
803	2.002779.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
804	2.002780.H12	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
805	2.002781.H12	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
806	2.002782.H12	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
807	2.002783.H12	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
808	2.002784.H12	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
809	2.002785.H12	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
810	2.002786.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
811	2.002787.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
812	2.002788.H12	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
813	2.002789.H12	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
814	2.002790.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
815	1.010277. H12	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
816	1.010278. H12	Gia hạn Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
817	1.010279. H12	Sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
818	1.004500. H12	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
819	1.010268. H12	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
820	1.010276. H12	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
821	1.010284. H12	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
822	1.010288. H12	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
823	1.010272. H12	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
824	1.010280. H12	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh

825	1.010304. H12	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
826	1.010308. H12	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
827	1.010316. H12	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nướ ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
828	1.010317. H12	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh.	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
829	1.010297. H12	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
830	1.010265. H12	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
831	1.010266. H12	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
832	1.010267. H12	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
833	1.010281. H12	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động quốc tế	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
834	1.010282. H12	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động quốc tế	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
835	1.010283. H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động quốc tế	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
836	1.010285. H12	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
837	1.010286. H12	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
838	1.010287. H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
839	1.004426. H12	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
840	1.004186. H12	Gia hạn giấy phép sử dụng giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
841	1.010259. H12	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
842	1.011892. H12	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
843	1.010293. H12	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất mạng viễn thông vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
844	1.010295. H12	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn.	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
845	1.010296. H12	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
846	1.010294. H12	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh

847	1.010250. H12	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các giấy phép mẫu 1đ, 1i, 1g1, 1h1	Tần số vô tuyến điện	Cấp tỉnh
848	1.013819.H12	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
849	1.013877.H12	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
850	1.013885.H12	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
851	1.013888.H12	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
852	1.013897.H12	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
853	1.013899.H12	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
854	1.013900.H12	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
855	1.013901.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
856	1.013902.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
857	1.013903.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
858	1.013904.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
859	1.013905.H12	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
860	1.013906.H12	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh

861	1.013907.H12	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
862	1.013908.H12	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
863	1.013909.H12	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
864	1.013910.H12	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
865	1.013911.H12	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
866	1.013912.H12	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
867	2.002847.H12	Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cậ p	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
868	1.013976.H12	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
869	1.013353.H12	Báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
870	1.013354.H12	Báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
871	1.013355.H12	Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
872	1.115134	Thủ tục Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
873	1.115135	Thủ tục Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
874	1.013385.H12	Thủ tục Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (trừ doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
875	1.004962.H12	Thủ tục Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
876	1.013370.H12	Thủ tục Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
877	1.013379.H12	Thủ tục Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
878	1.013376.H12	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh

879	1.013375.H12	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
880	1.013377.H12	Thủ tục Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
881	1.013382.H12	Thủ tục Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
882	1.013384.H12	Thủ tục Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
883	1.013383.H12	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
884	1.005444.H12	Thủ tục Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
885	1.005445.H12	Thủ tục Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
886	1.003370.H12	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
887	1.003300.H12	Thủ tục Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
888	1.003249.H12	Thủ tục Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
889	1.013381.H12	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
890	1.013356.H12	Đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam ".vn"	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
891	1.014012.H12	Thủ tục Phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
892	1.014015.H12	Thủ tục Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
893	1.002655.H12	Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
894	2.001856.H12	Thủ tục công bố, công bố lại chất lượng dịch vụ viễn thông đối với các dịch vụ thuộc "Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng"	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
895	1.004373.H12	Thủ tục Đăng ký bản thoả thuận kết nối mẫu	Viễn thông và Internet	Cấp tỉnh
896	1.014920.H12	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Công nghiệp công nghệ số	Cấp tỉnh
897	1.014921.H13	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Công nghiệp công nghệ số	Cấp tỉnh
898	1.014922.H14	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Công nghiệp công nghệ số	Cấp tỉnh
899	1.014923.H15	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Công nghiệp công nghệ số	Cấp tỉnh
900	1.014916.H12	Thủ tục Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	Công nghiệp công nghệ số	Cấp tỉnh
901	1.014917.H12	Thủ tục Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	Công nghiệp công nghệ số	Cấp tỉnh
902	1.014918.H12	Thủ tục Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	Công nghiệp công nghệ số	Cấp tỉnh
903	1.014919.H12	Thủ tục Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	Công nghiệp công nghệ số	Cấp tỉnh
904	1.014636.H12	Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.	Công nghệ thông tin, điện tử	Cấp tỉnh

905	1.014637.H13	Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.	Công nghệ thông tin, điện tử	Cấp tỉnh
906	1.014638.H14	Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	Công nghệ thông tin, điện tử	Cấp tỉnh
907	1.003633.H12	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	Bưu chính	Cấp tỉnh
908	1.003659.H12	Cấp giấy phép bưu chính (phạm vi nội tỉnh)	Bưu chính	Cấp tỉnh
909	1.003687.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	Bưu chính	Cấp tỉnh
910	1.004379.H12	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Bưu chính	Cấp tỉnh
911	1.004470.H12	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	Bưu chính	Cấp tỉnh
912	1.005442.H12	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Bưu chính	Cấp tỉnh
913	1.010902.H12	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp Tỉnh)	Bưu chính	Cấp tỉnh
914	1.004376.H12	Thủ tục Cấp giấy phép bưu chính phạm vi liên tỉnh, quốc tế	Bưu chính	Cấp tỉnh
915	1.004366.H12	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Cấp tỉnh
916	1.004354.H12	Thủ tục Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Cấp tỉnh
917	1.004430.H12	Thủ tục Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Cấp tỉnh
918	1.004429.H12	Thủ tục Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Cấp tỉnh
919	1.004428.H12	Thủ tục Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Cấp tỉnh
920	1.010901.H12	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Cấp tỉnh
921	1.014879.H12	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
922	1.000449.H12	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
923	2.000212.H12	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
924	1.014880.H12	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
925	1.014881.H12	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
926	1.014882.H12	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
927	1.014883.H12	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
928	1.014885.H12	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viện đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
929	1.014888.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
930	1.014889.H12	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
931	1.014891.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
932	1.014892.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
933	1.014893.H12	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
934	1.014894.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
935	1.014895.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
936	1.014896.H12	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
937	1.014897.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh

938	1.014876.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
939	1.014877.H12	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
940	1.014878.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
941	1.115159.H12	Thủ tục Công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
942	1.115160.12	Thủ tục Điều chỉnh nội dung của bản công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
943	1.115161.H12	Thủ tục Hủy bỏ bản công bố năng lực đã được ghi nhận của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
944	1.115167.H12	Thủ tục Công bố năng lực tư vấn đối với tổ chức tư vấn	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
945	1.115162.H12	Thủ tục Công bố năng lực tư vấn đối với chuyên gia tư vấn độc lập	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
946	1.115163.H12	Thủ tục Công bố năng lực đánh giá đối với tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
947	1.115164.H12	Thủ tục Điều chỉnh Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
948	1.115165.H12	Thủ tục Công bố năng lực đào tạo	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
949	1.115184.H12	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao (địa phương)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
950	1.115185.H12	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp lần đầu (địa phương)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
951	1.115186.H12	Đăng ký thay đổi, bổ sung Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (địa phương)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
952	1.115166.H12	Thủ tục Điều chỉnh Bản công bố năng lực đào tạo	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh
VII	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**			
953	1.116046.H12	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất (cấp tỉnh)	Đất đai	Cấp tỉnh
954	1.116047.H12	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Đất đai	Cấp tỉnh
955	1.116048.H12	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất (cấp tỉnh)	Đất đai	Cấp tỉnh
956	1.116049.H12	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Đất đai	Cấp tỉnh
957	1.116050.H12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư (cấp tỉnh)	Đất đai	Cấp tỉnh
958	1.116051.H12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa (cấp tỉnh)	Đất đai	Cấp tỉnh
959	1.116052.H12	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển (cấp tỉnh)	Đất đai	Cấp tỉnh
960	1.116053.H12	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Đất đai	Cấp tỉnh
961	1.116054.H12	Tách thửa đất, hợp thửa đất	Đất đai	Cấp tỉnh
962	1.116055.H12	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai	Cấp tỉnh

963	1.116056.H12	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai	Cấp tỉnh
964	1.116057.H12	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	Cấp tỉnh
965	1.116058.H12	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Đất đai	Cấp tỉnh
966	1.116059.H12	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Đất đai	Cấp tỉnh
967	1.116060.H12	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	Đất đai	Cấp tỉnh
968	1.116061.H12	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	Đất đai	Cấp tỉnh
969	1.116062.H12	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	Cấp tỉnh
970	1.116063.H12	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	Cấp tỉnh
971	1.116064.H12	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu tài sản chung gắn liền với đất; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp.	Đất đai	Cấp tỉnh
972	1.116065.H12	Thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh)	Đất đai	Cấp tỉnh
973	1.116066.H12	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Đất đai	Cấp tỉnh
974	1.116067.H12	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	Đất đai	Cấp tỉnh
975	1.116068.H12	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Đất đai	Cấp tỉnh
976	1.116069.H12	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích (cấp tỉnh)	Đất đai	Cấp tỉnh
977	1.116070.H12	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	Cấp tỉnh
978	1.116071.H12	Hủy kết quả đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	Cấp tỉnh
979	1.116072.H12	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đất đai	Cấp tỉnh
980	1.116073.H12	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai	Cấp tỉnh
981	1.116074.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	Cấp tỉnh
982	1.116075.H12	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	Cấp tỉnh
983	2.002750.H12	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	Đất đai	Cấp tỉnh
984	1.012805.H12	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đất đai	Cấp tỉnh

985	1.116076.H12	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất (cấp xã)	Đất đai	Cấp xã
986	1.116077.H12	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất (cấp xã)	Đất đai	Cấp xã
987	1.116078.H12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa (cấp xã)	Đất đai	Cấp xã
988	1.116079.H12	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Đất đai	Cấp xã
989	1.116080.H12	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển (cấp xã)	Đất đai	Cấp xã
990	1.116081.H12	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai	Cấp xã
991	1.116082.H12	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Đất đai	Cấp xã
992	1.116083.H12	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai	Cấp xã
993	1.116084.H12	Thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp (cấp xã)	Đất đai	Cấp xã
994	1.116085.H12	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích (cấp xã)	Đất đai	Cấp xã
995	1.116086.H12	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	Đất đai	Cấp xã
996	1.116087.H12	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai	Cấp xã
997	1.116088.H12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư (cấp xã)	Đất đai	Cấp xã
998	1.013967.H12	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Đất đai	Cấp xã
999	1.012812.H12	Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền cấp xã	Đất đai	Cấp xã
1000	1.010733.H12	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Môi trường	Cấp tỉnh
1001	1.010727.H12	Cấp giấy phép môi trường	Môi trường	Cấp tỉnh
1002	1.010729.H12	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Môi trường	Cấp tỉnh
1003	1.010736.H12	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường	Cấp xã
1004	1.014833.H12	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh
1005	1.004150. H12	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh
1006	1.004096.H12	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh
1007	1.004117.H12	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh
1008	1.014630.H12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh
1009	1.008672.H12	Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh
1010	1.014022.H12	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh

1011	1.008675.H12	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh
1012	1.008682.H12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh
1013	1.013040.H12	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh; cấp xã
1014	1.008128.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1015	1.008126.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1016	1.012835.H12	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1017	1.012832.H12	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1018	1.012833.H12	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1019	1.012834.H12	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1020	1.008122.H12	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1021	1.011031.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1022	1.014958.H12	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp trên địa bàn tỉnh	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1023	1.011033.H12	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1024	1.011030.H12	Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1025	3.000125.H12	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1026	1.014948.H12	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1027	1.014741.H12	Công nhận kết quả khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1028	1.014743.H12	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1029	1.014951.H12	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi ruồi lính đen	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1030	1.014952.H12	Cấp mã số định danh cơ sở chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1031	1.014953.H12	Thu hồi mã số định danh cơ sở chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1032	1.014954.H12	Cấp lại mã số định danh cơ sở chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp tỉnh
1033	1.012836.H12	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Chăn nuôi	Cấp xã
1034	1.012837.H12	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	Cấp xã
1035	1.011475.H12	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)	Thú y	Cấp tỉnh
1036	1.001686.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Cấp tỉnh
1037	1.014779.H12	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Cấp tỉnh
1038	2.000873.H12	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	Thú y	Cấp tỉnh
1039	1.002338.H12	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Thú y	Cấp tỉnh
1040	1.011472.H12	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh; vùng an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)	Thú y	Cấp tỉnh
1041	1.004022.H12	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y	Cấp tỉnh
1042	1.004839.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Cấp tỉnh
1043	2.001064.H12	Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y	Cấp tỉnh
1044	1.004756.H12	Cấp chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y	Cấp tỉnh

1045	1.005319.H12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y	Cấp tỉnh
1046	1.002409.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y	Cấp tỉnh
1047	1.014778.H12	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y	Cấp tỉnh
1048	1.002373.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	Thú y	Cấp tỉnh
1049	1.002549.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	Cấp tỉnh
1050	1.014777.H12	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	Cấp tỉnh
1051	1.002432.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	Thú y	Cấp tỉnh
1052	2.001872.H12	Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	Thú y	Cấp tỉnh
1053	1.003026.H12	Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	Thú y	Cấp tỉnh
1054	1.002992.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị sai sót; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	Cấp tỉnh
1055	2.001558.H12	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Thú y	Cấp tỉnh
1056	2.001515.H12	Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Thú y	Cấp tỉnh
1057	2.001524.H12	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Thú y	Cấp tỉnh
1058	1.002571.H12	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm	Thú y	Cấp tỉnh
1059	1.013997.H12	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân)	Thú y	Cấp xã
1060	2.001241.H12	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Cấp tỉnh
1061	2.001838.H12	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Cấp tỉnh
1062	2.001827.H12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Cấp tỉnh
1063	2.001730.H12	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Cấp tỉnh
1064	2.001726.H12	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Cấp tỉnh
1065	1.003111.H12	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Cấp tỉnh
1066	1.003082.H12	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Cấp tỉnh
1067	2.001254.H12	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Cấp tỉnh
1068	1.003058.H12	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Cấp tỉnh
1069	1.002996.H12	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Cấp tỉnh
1070	1.003814.H12	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Cấp tỉnh
1071	2.001604.H12	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Cấp tỉnh
1072	1.003984.H12	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
1073	1.003395.H12	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
1074	2.001427.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
1075	1.002560.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
1076	1.004363.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
1077	2.001236.H12	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
1078	1.003971.H12	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
1079	1.007926.H12	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
1080	1.007927.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
1081	1.007928.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
1082	1.007929.H12	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
1083	2.001062.H12	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu	Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
1084	1.010090.H12	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Trồng trọt	Cấp tỉnh

1085	1.008003.H12	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Trồng trọt	Cấp tỉnh
1086	1.012072.H12	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.	Trồng trọt	Cấp tỉnh
1087	1.012071.H12	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ.	Trồng trọt	Cấp tỉnh
1088	1.012070.H12	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc.	Trồng trọt	Cấp tỉnh
1089	1.012063.H12	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh
1090	1.012064.H12	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh
1091	1.012062.H12	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh
1092	1.007999.H12	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng).	Trồng trọt	Cấp tỉnh
1093	1.007994.H12	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại.	Trồng trọt	Cấp tỉnh
1094	2.002338.H12	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	Trồng trọt	Cấp tỉnh
1095	2.002339.H12	Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	Trồng trọt	Cấp tỉnh
1096	1.008004.H12	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Trồng trọt	Cấp xã
1097	1.014776.H12	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp xã
1098	2.001694.H12	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	Cấp tỉnh
1099	1.004794.H12	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	Cấp tỉnh
1100	1.004943.H12	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản	Cấp tỉnh
1101	1.004683.H12	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thuỷ sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản	Thủy sản	Cấp tỉnh
1102	1.004915.H12	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thuỷ sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Thủy sản	Cấp tỉnh
1103	1.004692.H12	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Thủy sản	Cấp tỉnh
1104	1.014834.H12	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 2 tỉnh thành phố trở lên và cơ sở Nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của bộ trưởng Bộ nông nghiệp và môi trường) (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh
1105	1.004913.H12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Thủy sản	Cấp tỉnh
1106	1.004918.H12	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	Thủy sản	Cấp tỉnh
1107	2.002819.H12	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA)	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh
1108	1.003666.H12	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	Thủy sản	Cấp tỉnh
1109	1.003851.H12	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm (*để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế*)	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh
1110	1.003650.H12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh
1111	1.003634.H12	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh
1112	1.003586.H12	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh
1113	1.003681.H12	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh

1114	1.004929. H12	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh
1115	1.004694.H12	Công bố mở cảng cá loại I, loại II	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh
1116	1.004359.H12	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thuỷ sản	Thủy sản	Cấp tỉnh
1117	1.004344.H12	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Thủy sản	Cấp tỉnh
1118	1.003741.H12	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	Thủy sản	Cấp tỉnh
1119	1.003593.H12	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	Thủy sản	Cấp tỉnh
1120	1.003590.H12	Thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh
1121	1.003563.H12	Chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh
1122	1.004923.H12	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh
1123	1.004921.H12	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp tỉnh
1124	1.004680.H12	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp xã
1125	1.004656.H12	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoãng dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp xã
1126	1.014801.H12	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	Thủy sản	Cấp xã
1127	1.004478.H12	Công bố mở cảng cá loại III	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp xã
1128	1.003956.H12	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp xã
1129	1.004498.H12	Sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản và kiểm ngư	Cấp xã
1130	1.009481.H12	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh
1131	1.005401.H12	Giao khu vực biển	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh
1132	1.005399.H12	Trả lại khu vực biển	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh
1133	1.005400.H12	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh
1134	1.005189.H12	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh
1135	1.000969.H12	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh
1136	1.000942.H12	Trả lại giấy phép nhận chìm	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh
1137	3.000435.H12	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh
1138	3.000436.H12	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh
1139	3.000439.H12	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Cấp xã
1140	3.000441.H12	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Cấp xã
1141	3.000442.H12	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Cấp xã
1142	3.000443.H12	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Cấp xã
1143	1.013126.H12	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương	Ứng phó sự cố tràn dầu	Cấp tỉnh
1144	1.013127.H12	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50 m3 đến dưới 50.000 m3, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT	Ứng phó sự cố tràn dầu	Cấp tỉnh
1145	1.013128.H12	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển	Ứng phó sự cố tràn dầu	Cấp xã
1146	1.000049.H12	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Đo đạc và bản đồ	Cấp tỉnh
1147	1.011671.H12	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc và bản đồ	Cấp tỉnh
1148	1.004237.H12	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Tổng hợp	Cấp tỉnh
1149	1.003727.H12	Công nhận làng nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Cấp tỉnh
1150	1.003712.H12	Công nhận nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Cấp tỉnh
1151	1.003695.H12	Công nhận làng nghề	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Cấp tỉnh
1152	1.003397.H12	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Cấp tỉnh

1153	1.003486.H12	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Cấp tỉnh
1154	1.003434.H12	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Cấp xã
1155	3.000611.H12	Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	Phát triển nông thôn	Cấp xã
1156	1.014736.H12	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia	Cấp tỉnh, cấp xã
1157	1.014737.H12	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng.	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia	Cấp xã
1158	1116214.H12	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	Giảm nghèo	Cấp xã
1159	1116215.H12	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030	Giảm nghèo	Cấp xã
1160	1.011609.H12	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Giảm nghèo	Cấp xã
1161	1.000071.H12	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1162	1.000058.H12	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1163	1.012691.H12	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1164	1.000055.H12	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1165	1.000047.H12	Phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1166	1.011470.H12	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1167	1.012413.H12	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1168	3.000501.H12	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1169	1.000045.H12	Xác nhận bảng kê lâm sản	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1170	3.000198. H12	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1171	1.007916.H12	Nộp tiền trồng rừng thay thế	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1172	3.000179.H12	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1173	1.014605.H12	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1174	1.004819.H12	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1175	3.000496.H12	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1176	1.014836.H12	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1177	1.012687.H12	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1178	1.000084.H12	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1179	1.014837.H12	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1180	1.000081.H12	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1181	1.012921.H12	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1182	1.014839.H12	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1183	1.014838.H12	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1184	3.000152.H12	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1185	1.012692.H12	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1186	1.012689.H12	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh

1187	1.012690.H12	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1188	1.007918.H12	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1189	3.000159.H12	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1190	3.000160.H12	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1191	1.115239.H12	Đăng ký, điều chỉnh dự án các-bon rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1192	1.115235.H12	Hủy đăng ký dự án các-bon rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1193	1.115237.H12	Cấp tín chỉ các-bon rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp tỉnh
1194	3.000250.H12	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp xã
1195	1.011471.H12	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp xã
1196	3.000502.H12	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp xã
1197	1.012922.H12	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp xã
1198	1.012531.H12	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp xã
1199	1.014832.H12	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp xã
1200	1.012694.H12	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp xã
1201	1.007919.H12	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cấp xã
1202	1.013644.H12	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp tỉnh
1203	1.010091.H12	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp xã
1204	1.010092.H12	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp xã
1205	1.014129.H12	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon	Biến đổi khí hậu	Cấp tỉnh
1206	1.014136.H12	Đăng ký/Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon trong nước	Biến đổi khí hậu	Cấp tỉnh
1207	1.014131.H12	Thay đổi thành phần tham gia dự án	Biến đổi khí hậu	Cấp tỉnh
1208	1.014132.H12	Hủy đăng ký dự án	Biến đổi khí hậu	Cấp tỉnh
1209	1.014133.H12	Cấp tín chỉ các bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	Biến đổi khí hậu	Cấp tỉnh
1210	2.002848.H12	Hủy đăng ký tín chỉ các-bon tự nguyện	Biến đổi khí hậu	Cấp tỉnh
1211	2.002849.H12	Chuyển quyền sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon ngoài hệ thống giao dịch các-bon	Biến đổi khí hậu	Cấp tỉnh
1212	1.000987.H12	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	Cấp tỉnh
1213	1.000970.H12	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	Cấp tỉnh
1214	1.000943.H12	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	Cấp tỉnh
1215	1.013861.H12	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế tổ chức, cá nhân Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế tổ chức, cá nhân	Khí tượng thủy văn	Cấp tỉnh
1216	2.001576.H12	Công nhận tiến bộ kỹ thuật	Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh
1217	1.011647.H12	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	Nông nghiệp	Cấp tỉnh
1218	1.000025.H12	Phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	Quản lý doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1219	1.011441.H12	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đản	Cấp tỉnh

1220	1.011442.H12	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đản	Cấp tỉnh
1221	1.011443.H12	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đản	Cấp tỉnh
1222	1.011444.H12	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đản	Cấp tỉnh
1223	1.011445.H12	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đản	Cấp tỉnh
1224	1.012498.H12	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1225	1.004232.H12	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m^3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1226	1.004228.H12	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m^3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1227	1.004223.H12	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m^3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1228	1.004211.H12	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m^3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1229	1.004179.H12	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1230	1.004167.H12	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1231	1.011518.H12	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1232	1.004122.H12	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1233	2.001738.H12	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1234	1.012501.H12	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1235	1.013799.H12	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1236	2.001770.H12	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1237	1.004283.H12	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1238	1.012503.H12	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới 18đất	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1239	1.012504.H12	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1240	2.001850.H12	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1241	2.002835.H12	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch.	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1242	1.014716.H12	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền.	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
1243	1.001662.H12	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp xã
1244	1.004427.H12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1245	2.001796.H12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1246	2.001426.H12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1247	2.001795.H12	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1248	1.003870.H12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1249	2.001793.H12	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1250	1.004385.H12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh

1251	2.001791.H12	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1252	1.003880.H12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1253	2.001401.H12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1254	1.003867.H12	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1255	2.001804.H12	Phê duyệt phương án, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1256	1.003232.H12	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1257	1.003221.H12	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1258	1.003211.H12	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1259	1.003203.H12	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1260	1.014847.H12	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh
1261	1.014849.H12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
1262	1.014850.H12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
1263	1.014851.H12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
1264	1.014852.H12	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
1265	1.014853.H12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
1266	1.014859.H12	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
1267	1.014860.H12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
1268	1.014862.H12	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
1269	1.014863.H12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
1270	1.014864.H12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
1271	2.001627.H12	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	Thủy lợi	Cấp xã
1272	1.003446.H12	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	Thủy lợi	Cấp xã
1273	1.003440.H12	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	Thủy lợi	Cấp xã

1274	2.001621.H12	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện).	Thủy lợi	Cấp xã
1275	1.003347.H12	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
1276	1.003471.H12	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
1277	1.014848.H12	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
VIII	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**			
1278	3.000181. H12	Tuyển sinh trung học phổ thông	Giáo dục trung học	Cấp tỉnh
1279	1.012944.H12	Cho phép thành lập trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục trung học	Cấp tỉnh
1280	1.012955.H12	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục trung học	Cấp tỉnh
1281	1.012956.H12	Giải thể trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường *năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị*	Giáo dục trung học	Cấp tỉnh
1282	1.012953.H12	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông *chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị*	Giáo dục trung học	Cấp tỉnh
1283	1.012954.H12	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại.	Giáo dục trung học	Cấp tỉnh
1284	2.001904.H12	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Cấp tỉnh
1285	2.002854.H12	Chuyển trường và tiếp nhận học sinh	Giáo dục trung học	Cấp tỉnh
1286	2.002857.H12	Tiếp nhận học sinh xin học lại	Giáo dục trung học	Cấp tỉnh
1287	2.002855.H12	Tiếp nhận học sinh Việt Nam từ nước ngoài	Giáo dục trung học	Cấp tỉnh
1288	2.002856.H12	Tiếp nhận học sinh người nước ngoài	Giáo dục trung học	Cấp tỉnh
1289		Cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1290	2.002.890.H12	Cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường trung học nghề.	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1291	2.002934.H12	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1292		Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật.	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1293	1.000482.H12	Chuyển đổi trường trung học nghề tư thục, trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục sang trường học nghề tư thục, trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1294	2.001959.H04	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1295		Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1296	1.000553.H12	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1297	1.013760.H12	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1298		Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1299	2.002888.H12	Giải thể, cho phép giải thể trường trung cấp, trường trung học nghề, phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập.	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1300	2.002889.H12	Đổi tên trường trung cấp, trường trung học nghề	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh

1301	2.002887.H12	Thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề.	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1302	2.000632.H12	Công nhận Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1303		Thay đổi địa điểm trụ sở chính và phân hiệu của trường trung học nghề, trường trung cấp	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1304		Thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trường trung học nghề	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1305	2.002885.H12	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trường trung học nghề	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp tỉnh
1306	1.013751.H12	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	Giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
1307	1.013752.H12	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục hoạt động trở lại.	Giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
1308	1.013753.H12	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	Giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
1309	1.013754.H12	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	Giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
1310	1.013756.H12	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục hoạt động trở lại.	Giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
1311	1.013757.H12	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	Giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
1312	3.000316.H12	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
1313		Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1314	1.012958.H12	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1315	1.005008.H12	Cho phép trường trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1316	1.004999.H12	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1317	1.004991.H12	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1318	1.012959.H12	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1319	3.000297.H12	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1320	3.000299.H12	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1321	3.000300.H12	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1322	3.000301.H12	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1323	3.000302.H12	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1324	3.000304.H12	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1325	3.000305.H12	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1326	3.000306.H12	Thành lập, cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1327	1.001499.H12	Phê duyệt liên kết giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1328	1.001497.H12	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1329	2.000729.H12	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1330	2.000688.H12	Chấm dứt, liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1331	1.005061. H12	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1332	2.001987. H12	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1333	1.012960.H12	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh

1334	1.116830.H12	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1335	1.116826.H12	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1336	1.116824.H12	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông.	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp tỉnh
1337	1.115984.H12	Xóa chi phí bồi hoàn	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1338	1.115985.H12	Miễn chi phí bồi hoàn	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1339	2.002808.H12	Phê duyệt liên kết giáo dục, giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1340	1.002982.H12	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1341	1.014334.H12	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗtrợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1342	1.000729.H12	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1343	2.002593.H12	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1344	2.002811.H12	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài (thay thế)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1345	1.001714.H12	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1346	1.002407.H12	Xét, cấp học bổng chính sách đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1347	1.009002.H12	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1348	2.002812.H12	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài (mới)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1349	2.002813.H12	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài (mới)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1350	1.116814.H12	Đổi tên trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị.	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1351	1.116815.H12	Thay đổi địa điểm hoạt động giáo dục của trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh
1352	1.001492.H12	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1353	1.000939.H12	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1354	1.000716.H12	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1355	1.006446.H12	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh

1356	1.000718.H12	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1357	1.001495.H12	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1358	1.001493.H12	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1359	2.000545.H12	Cho phép thành lập trường mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1360	1.116828.H12	Cho phép thành lập trường tiểu học, trường trung học cơ sở do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1361	1.008720.H12	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non *tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang* nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non *tư thục hoạt động không vì lợi nhuận*	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1362	1.008721.H12	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1363	2.000451.H12	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1364	2.000680.H12	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1365	1.001501.H12	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1366	1.008723.H12	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang *trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông* hoạt động không vì lợi nhuận.	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1367	1.008722.H12	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1368	1.013767.H12	Giải thể trường mầm non theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1369		Giải thể trường tiểu học, trường trung học cơ sở theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chứcquốc tế liên chính phủ	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Cấp tỉnh
1370	1.009394.H12	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	Thi, tuyển sinh	Cấp tỉnh
1371	1.005090.H12	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thi, tuyển sinh	Cấp tỉnh
1372	1.005098.H12	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	Cấp tỉnh
1373	1.013338.H12	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	Cấp tỉnh
1374	1.005142.H12	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia	Thi, tuyển sinh	Cấp tỉnh
1375	1.005095.H12	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia	Thi, tuyển sinh	Cấp tỉnh
1376	1.003734.H12	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Thi, tuyển sinh	Cấp tỉnh
1377		Tuyển sinh vào trường phổ thông nội trú	Thi, tuyển sinh	Cấp tỉnh
1378	1.004889.H12	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.	Văn bằng, chứng chỉ	Cấp tỉnh
1379	3.000465.H12	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (Của 2 cấp) bãi bỏ cấp xã, cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung	Văn bằng, chứng chỉ	Cấp tỉnh
1380	3.000466.H12	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (Của 2 cấp) bãi bỏ cấp xã, cấp tỉnh sửa đổi bổ sung	Văn bằng, chứng chỉ	Cấp tỉnh
1381	2.002850.H12	Cấp lại văn bằng, chứng chỉ	Văn bằng, chứng chỉ	Cấp tỉnh
1382	1.11681.H12	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập	Giáo dục mầm non	Cấp tỉnh
1383	1.116811.H12	Sáp nhập, chia, tách trường mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục mầm non	Cấp tỉnh
1384	1.116812.H12	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục phổ thông	Cấp tỉnh
1385	1.116813.H12	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học, trường trung học cơ sở do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục phổ thông	Cấp tỉnh
1386	2.002891.H12	Cho phép thành lập trường mầm non	Giáo dục mầm non	Cấp xã
1387	2.002894.H12	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường mầm no	Giáo dục mầm non	Cấp xã
1388	1.006444.H12	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non	Cấp xã
1389	2.002892H12	Sáp nhập, chia, tách trường mầm non	Giáo dục mầm non	Cấp xã

1390	2.002893.H12	Giải thể trường mầm non (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục mầm non	Cấp xã
1391	1.012971.H12	Cho phép thành lập nhóm, lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục	Giáo dục mầm non	Cấp xã
1392	1.012972.H12	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Giáo dục mầm non	Cấp xã
1393	1.012973.H12	Sáp nhập, chia, tách nhóm lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục	Giáo dục mầm non	Cấp xã
1394	1.012974.H12	Giải thể nhóm lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập nhóm lớp)	Giáo dục mầm non	Cấp xã
1395	1.012963.H12	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học	Cấp xã
1396	3.000309.H12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học	Cấp xã
1397	3.000309.H12	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học.	Giáo dục tiểu học	Cấp xã
1398	2.001842.H12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học	Cấp xã
1399	1.004552.H12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học	Cấp xã
1400	1.004563.H12	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học	Cấp xã
1401	1.001639.H12	Giải thể trường tiểu học (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục tiểu học	Cấp xã
1402	1.012964.H12	Cho phép thành lập trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Cấp xã
1403	1.012965.H12	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Cấp xã
1404	1.012966.H12	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học	Cấp xã
1405	1.012967.H12	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Cấp xã
1406	1.012968.H12	Giải thể trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Cấp xã
1407	3.000182.H12	Tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Cấp xã
1408	1.012969.H12	Cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng tư thục	Giáo dục thường xuyên	Cấp xã
1409	1.012970.H12	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	Cấp xã
1410	3.000307.H12	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng tư thục	Giáo dục thường xuyên	Cấp xã
1411	3.000308.H12	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng tư thục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên	Cấp xã
1412	3.000309.H12	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp xã
1413	1.012975.H12	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp xã
1414	1.116844.H12	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp xã
1415	1.116818.H12	Cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp xã
1416	1.116823.H12	Sáp nhập, chia, tách lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp xã
1417	1.116819.H12	Giải thể lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp xã
1418	1.116820.H12	Cho phép thành lập lớp độc lập tư thục	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp xã
1419	1.116821.H12	Sáp nhập, chia, tách lớp độc lập tư thục	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp xã
1420	1.116822.H12	Giải thể lớp độc lập tư thục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp xã
1421	1.008724.H12	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.	Giáo dục và đào tạo thuốc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp xã
1422	1.003702.H12	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và đào tạo thuốc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp xã
1423	1.008725.H12	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.	Giáo dục và đào tạo thuốc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp xã
1424	1.001622.H12	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Giáo dục và đào tạo thuốc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp xã

1425	1.008950.H12	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và đào tạo thuốc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp xã
1426	1.008951.H12	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và đào tạo thuốc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp xã
1427	1.014997.H12	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, người khuyết tật.	Giáo dục và đào tạo thuốc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp xã
1428	2.002857.H12	Tiếp nhận học sinh xin học lại	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp xã
1429	2.002855.H12	Tiếp nhận học sinh Việt Nam từ nước ngoài về nước	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp xã
1430	2.002856.H12	Tiếp nhận học sinh người nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp xã
IX	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**			
1431	1.014158.H12	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Cấp tỉnh, cấp xã
1432	1.014157.H12	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị nông thôn	Cấp tỉnh, cấp xã
1433	1.014155.H12	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị nông thôn	Cấp tỉnh, cấp xã
1434	1.014159.H12	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị nông thôn	Cấp tỉnh, cấp xã
1435	1.014156.H12	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch	Cấp tỉnh, cấp xã
1436	1.008432.H12	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch - Kiến trúc	Cấp tỉnh
1437	1.003011.H12	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch - Kiến trúc	Cấp tỉnh
1438	1.002701.H12	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch - Kiến trúc	Cấp tỉnh
1439	1.000660.H12	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác.	Đường bộ	Cấp tỉnh
1440	1.000672.H12	Công bố lại bến xe khách.	Đường bộ	Cấp tỉnh
1441	1.005021.H12	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô.	Đường bộ	Cấp tỉnh
1442	1.115020.H12	Chấp thuận thiết kế nút giao T+X (Đặc thù)	Đường bộ	Cấp tỉnh, cấp xã
1443	1.115019.H12	Cấp phép thi công nút giao T+X (Đặc thù)	Đường bộ	Cấp tỉnh, cấp xã
1444	1.010708.H12	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ	Cấp tỉnh
1445	1.013259.H12	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ	Cấp tỉnh
1446	1.013260.H12	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Đường bộ	Cấp tỉnh
1447	1.013261.H12	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ	Cấp tỉnh
1448	1.000028.H12	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Đường bộ	Cấp tỉnh
1449	2.000769.H12	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	Đường bộ	Cấp tỉnh
1450	1.001623.H12	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	Đường bộ	Cấp tỉnh
1451	1.001777.H12	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	Đường bộ	Cấp tỉnh
1452	1.004993.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ	Cấp tỉnh
1453	1.005210.H12	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	Đường bộ	Cấp tỉnh
1454	1.001751.H12	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	Đường bộ	Cấp tỉnh
1455	1.001765.H12	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ	Cấp tỉnh
1456	1.000321.H12	Đăng ký, khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Cấp tỉnh
1457	1.001577.H12	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Đường bộ	Cấp tỉnh
1458	1.001023.H12	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia *(cấp cho phương tiện thương mại của các đơn vị kinh doanh vận tải, phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh)*	Đường bộ	Cấp tỉnh
1459	1.000302.H12	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Cấp tỉnh
1460	1.002847.H12	Đăng ký khai thác tuyến bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Cấp tỉnh
1461	1.002063.H12	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Đường bộ	Cấp tỉnh

1462	1.002856.H12	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (*cấp cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh)*	Đường bộ	Cấp tỉnh
1463	1.002861.H12	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Cấp tỉnh
1464	1.002334.H12	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc *(đối với các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước)*	Đường bộ	Cấp tỉnh
1465	1.001737.H12	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Đường bộ	Cấp tỉnh
1466	2.001034.H12	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam – chờ BXD hướng dẫn	Đường bộ	Cấp tỉnh
1467	1.002268.H12	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ	Cấp tỉnh
1468	1.002286.H12	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Đường bộ	Cấp tỉnh
1469	1.002877.H12	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia *(cấp cho phương tiện thương mại, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đóng trên địa bàn địa phương)*	Đường bộ	Cấp tỉnh
1470	1.002046.H12	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Đường bộ	Cấp tỉnh
1471	1.002817.H12	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	Đường bộ	Cấp tỉnh
1472	1.002829.H12	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	Đường bộ	Cấp tỉnh
1473	1.010707.H12	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Đường bộ	Cấp tỉnh
1474	1.010704.H12	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	Đường bộ	Cấp tỉnh
1475	1.010702.H12	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	Đường bộ	Cấp tỉnh
1476	2.002288.H12	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Đường bộ	Cấp tỉnh
1477	2.002285.H12	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	Đường bộ	Cấp tỉnh
1478	2.002286.H12	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh	Đường bộ	Cấp tỉnh
1479	1.000703.H12	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Đường bộ	Cấp tỉnh
1480	1.013277.H12	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	Đường bộ	Cấp tỉnh
1481	1.000314.H12	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác T+X.	Đường bộ	Cấp tỉnh, cấp xã
1482	1.002798.H12	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác.	Đường bộ	Cấp tỉnh
1483	1.013274.H12	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác T+X	Đường bộ	Cấp tỉnh, cấp xã
1484	2.001921.H12	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ T+X	Đường bộ	Cấp tỉnh
1485	1.013276.H12	Chấp thuận bổ sung nút giao đấu nối vào đường cao tốc	Đường bộ	Cấp tỉnh
1486	1.001046.H12	Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ	Cấp tỉnh
1487	1.001061.H12	Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ	Cấp tỉnh
1488	1.013061.H12	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác T+X	Đường bộ	Cấp tỉnh
1489	2.001963.H12	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	Đường bộ	Cấp tỉnh
1490	1.115948.H12	Công bố mở cảng thủy nội địa	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp bộ
1491	1.115947.H12	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp bộ
1492	1.004137.H12	Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1493	1.003570.H12	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1494	1.004239.H12	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1495	1.009464.H12	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1496	1.009448.H12	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng khu neo đậu	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1497	1.009449.H12	Công bố mở khu neo đậu	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1498	1.009442.H12	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa.	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh

1499	1.009460.H12	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên dùng khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng.	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1500	1.000344.H12	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng.	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1501	1.009463.H12	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1502	1.009451.H12	Cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1503	1.009459.H12	Công bố mở luồng đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, luồng đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1504	2.001802.H12	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển.	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1505	2.002625.H12	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ.	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1506	2.002624.H12	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương.	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1507	1.013467.H12	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1508	1.013466.H12	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1509	2.002617.H12	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hư hỏng	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1510	2.002616.H12	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1511	2.002615.H12	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1512	1.009465.H12	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa (phân cấp).	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1513	1.003135.H12	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1514	1.115949.H12	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1515	2.001219.H12	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1516	1.002771.H12	Phê duyệt phương án thăm dò, phương án trục vớt tài sản chìm đắm	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1517	1.004088.H12	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa T+X	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1518	1.004047.H12	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa T+X	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1519	1.004036.H12	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa T+X	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1520	2.001711.H12	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật T+X	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1521	1.004002.H12	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện T+X	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1522	1.003970.H12	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện T+X	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1523	1.006391.H12	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác T+X	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1524	1.003930.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện T+X	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1525	2.001659.H12	Xóa đăng ký phương tiện T+X	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1526	1.005040.H12	*Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung T+X*	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh, cấp xã
1527	1.003640.H12	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1528	1.004261.H12	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1529	1.004259.H12	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1530	2.000795.H12	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1531	2.002617.H12	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hư hỏng	Hàng hải & Đường thủy	Cấp tỉnh
1532	2.002001.H12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.	Hàng hải và đường thủy	Cấp tỉnh
1533	1.001223.H12	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	Hàng hải và đường thủy	Cấp tỉnh
1534	1.013468.H12	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	Hàng hải và đường thủy	Cấp tỉnh
1535	1.009794.H12	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương.	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Cấp tỉnh
1536	1.009791.H12	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Cấp tỉnh
1537	1.012900.H12	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Cấp tỉnh
1538	1.012901.H12	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	Kinh doanh bất động sản	Cấp tỉnh

1539	1.012902.H12	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	Kinh doanh bất động sản	Cấp tỉnh
1540	1.012903.H12	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	Kinh doanh bất động sản	Cấp tỉnh
1541	1.013777.H12	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Cấp tỉnh
1542	1.012906.H12	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Cấp tỉnh
1543	1.012907.H12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	Kinh doanh bất động sản	Cấp tỉnh
1544	1.012910.H12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)	Kinh doanh bất động sản	Cấp tỉnh
1545	1.012905.H12	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Kinh doanh bất động sản	Cấp tỉnh
1546	1.013237.H12	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1547	1.013219.H12	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1548	1.013217.H12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1549	1.013222.H12	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1550	1.013224.H12	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1551	1.013234.H12	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh, cấp xã
1552	1.013223.H12	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1553	1.013239.H12	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1554	1.013236.H12	Cấp giấy phép xây dựng mới, có thời hạn đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1555	1.013231.H12	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và nhà ở riêng lẻ (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1556	1.013238.H12	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo, đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1557	1.013230.H12	Cấp giấy phép xây dựng di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1558	1.013233.H12	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1559	1.013235.H12	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Cấp tỉnh
1560	1.115014.H12	Chia sẻ phần giảm doanh thu	Đường bộ	Cấp tỉnh
1561	1.115015.H12	Thanh toán chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	Đường bộ	Cấp tỉnh
1562	1.012894.H12	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở	Cấp tỉnh
1563	1.012893.H12	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở	Cấp tỉnh
1564	1.012898.H12	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Nhà ở	Cấp tỉnh
1565	1.012897.H12	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	Nhà ở	Cấp tỉnh
1566	1.012892.H12	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	Nhà ở	Cấp tỉnh
1567	1.012890.H12	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của cá nhân, tổ chức nước ngoài	Nhà ở	Cấp tỉnh
1568	1.012887.H12	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	Nhà ở	Cấp tỉnh

1569	1.012885.H12	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Nhà ở	Cấp tỉnh
1570	1.012883.H12	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Nhà ở	Cấp tỉnh
1571	1.014632.H12	Thủ tục Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở:	Nhà ở	tỉnh hoặc xã tùy trường hợp
1572	1.014632.H12	Trường hợp 1: Xác nhận điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình)	Nhà ở	Cấp tỉnh
1573	1.014632.H12	Trường hợp 2: Xác nhận điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (trường hợp có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m2 sàn/người	Nhà ở	Cấp xã
1574	1.014632.H12	Trường hợp 3: Xác nhận điều kiện vay vốn ưu đãi của Nhà nước thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	Nhà ở	Cấp xã
1575	1.014632.H12	Trường hợp 4: Xác nhận điều kiện vay vốn ưu đãi của Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước chỉ định để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	Nhà ở	Cấp xã
1576	1.014632.H12	Trường hợp 5: Xác nhận đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (áp dụng cho các đối tượng quy định tại các khoản 9, 10, 11 Điều 76 của Luật Nhà ở)	Nhà ở	Cấp xã
1577	1.014632.H12	Trường hợp 6: Xác nhận đối tượng, thu nhập để được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (áp dụng cho các đối tượng quy định tại các khoản 5, 6, 8 Điều 76 của Luật Nhà ở, trừ đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả).	Nhà ở	Cấp xã
1578	1.014632.H12	Trường hợp 7: Xác nhận điều kiện về thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội (áp dụng cho đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả).	Nhà ở	Cấp xã
1579	1.013769.H12	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	Nhà ở	tỉnh
1580	1.012882.H12	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	Nhà ở	tỉnh
1581	1.012886.H12	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Nhà ở	tỉnh
1582	1.012891.H12	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	Nhà ở	Cấp tỉnh
1583	1.012895.H12	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	Nhà ở	Cấp tỉnh
1584	1.007765.H12	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	Nhà ở	Cấp tỉnh
1585	3.000507.H12	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	Nhà ở	Cấp tỉnh
1586	3.000508.H12	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	Nhà ở	Cấp tỉnh
1587	1.012896.H12	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	Nhà ở	Cấp tỉnh
1588	1.115150.H12	Thủ tục bán, cho thuê mua, cho thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án và không sử dụng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn.	Nhà ở	Cấp tỉnh
1589	1.001322.H12	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Đăng kiểm	Cấp tỉnh
1590	1.001296.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Đăng kiểm	Cấp tỉnh
1591	1.013105.H12	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.	Đăng kiểm	Cấp tỉnh
1592	1.013110.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Đăng kiểm	Cấp tỉnh
1593	1.001319.H12	Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.	Đăng kiểm	Cấp tỉnh
1594	1.013071.H12	Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.	Đăng kiểm	Cấp tỉnh
1595	1.013097.H12	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo (không qua trung tâm).	Đăng kiểm	Cấp tỉnh
1596	1.013206.H12	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo.	Đăng kiểm	Cấp tỉnh
1597	1.013092.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.	Đăng kiểm	Cấp tỉnh
1598	1.013101.H12	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (bao gồm kiểm định lần đầu, kiểm định định kỳ và xe có đăng ký tạm thời).	Đăng kiểm	Cấp tỉnh

1599	1.005103.H12	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp kiểm định lần đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định cho xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời.	Đăng kiểm	Cấp tỉnh
1600	1.013089.H12	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định.	Đăng kiểm	Cấp tỉnh
1601	1.115407.H12	Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao	Vật liệu xây dựng	Cấp tỉnh
1602	1.014783.H12	Cấp giấy phép lưu thông vật liệu cấu kiện ngăn cháy chống cháy	Vật liệu xây dựng	Cấp tỉnh
1603	1.011729.H12	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng -cốt liệu công xuất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc nhóm 98.22	Hải quan	Cấp tỉnh
1604	1.002693.H12	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Hạ tầng kỹ thuật	Cấp tỉnh
X	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**			
1605	1.014076.H12	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1606	1.014078.H12	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1607	1.014087.H12	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1608	1.014090.H12	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1609	1.014092.H12	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1610	1.014099.H12	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1611	1.014100.H12	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1612	1.014101.H12	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1613	1.014102.H12	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1614	1.014104.H12	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1615	1.014105.H12	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1616	1.014069.H12	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1617	1.014203.H12	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1618	1.003068.H12	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	Dược phẩm	Cấp tỉnh
1619	1.013817.H12	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Bảo trợ xã hội	Cấp tỉnh
1620	1.012993.H12	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Bảo trợ xã hội	Cấp tỉnh
1621	1.012990.H12	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	Bảo trợ xã hội	Cấp tỉnh
1622	1.001806.H12	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Cấp tỉnh
1623	1.014527.H12	Đề nghị mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	Dân số - bà mẹ trẻ em	Cấp tỉnh
1624	1.013824.H12	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh	ào tạo – nghiên cứu khoa h	Cấp tỉnh
1625	1.013860.H12	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1626	1.013864.H12	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1627	1.013890.H12	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1628	1.013866.H12	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Cấp tỉnh

1629	1.013874.H12	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1630	1.013887.H12	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1631	1.013891.H12	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1632	1.013895.H12	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1633	1.013867.H12	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1634	1.013868.H12	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1635	1.013870.H12	Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1636	1.013872.H12	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1637	1.013875.H12	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế nhập khẩu để nghiên cứu	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1638	1.013880.H12	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1639	1.013881.H12	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1640	1.013883.H12	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1641	1.013886.H12	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1642	1.013889.H12	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1643	1.013892.H12	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1644	1.013035.H12	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1645	1.013034.H12	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1646	1.002204.H12	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1647	2.000993.H12	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1648	2.000981.H12	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1649	2.000972.H12	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1650	1.001386.H12	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	Phòng bệnh	Cấp tỉnh
1651	1.006424.H12	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
1652	1.013838.H12	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
1653	1.013847.H12	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS)	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
1654	1.013851.H12	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
1655	1.013855.H12	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
1656	1.013858.H12	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
1657	1.013862.H12	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
1658	1.013857.H12	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
1659	1.013854.H12	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
1660	1.013850.H12	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh

1661	1.013844.H12	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
1662	1.013841.H12	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
1663	1.013829.H12	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	An toàn thực phẩm	Cấp tỉnh
1664	1.012280.H12	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1665	1.012289.H12	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1666	1.012290.H12	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01/01/2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1667	1.012291.H12	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng.	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1668	1.012292.H12	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1669	1.012276.H12	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1670	1.012281.H12	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1671	1.012257.H12	Cho phép tổ chức đoàn khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1672	1.012258.H12	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1673	1.012256.H12	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1674	1.012260.H12	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1675	1.012261.H12	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1676	1.012275.H12	Đăng ký hành nghề	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1677	1.012262.H12	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1678	1.012279.H12	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1679	2.000559.H12	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1680	1.001138.H12	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1681	1.012278.H12	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1682	1.012273.H12	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1683	1.012271.H12	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1684	1.012272.H12	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp tỉnh
1685	1.004539.H12	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	Đào tạo	Cấp tỉnh
1686	1.002600.H12	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm	Cấp tỉnh
1687	1.003055.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Cấp tỉnh
1688	1.003064.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Cấp tỉnh
1689	1.003073.H12	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Cấp tỉnh
1690	1.009566.H12	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Mỹ phẩm	Cấp tỉnh
1691	1.002238.H12	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	Mỹ phẩm	Cấp tỉnh
1692	1.014037.H12	Thủ tục công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền, dược liệu	Y dược cổ truyền	Cấp tỉnh

1693	1.012419.H12	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Y dược cổ truyền	Cấp tỉnh
1694	1.012418.H12	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Y dược cổ truyền	Cấp tỉnh
1695	1.009407.H12	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Y dược cổ truyền	Cấp tỉnh
1696	1.012417.H12	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	Y dược cổ truyền	Cấp tỉnh
1697	1.012416.H12	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Y dược cổ truyền	Cấp tỉnh
1698	1.012415.H12	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Y dược cổ truyền	Cấp tỉnh
1699	2.000025.H12	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội	Cấp tỉnh
1700	2.000027.H12	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội	Cấp tỉnh
1701	1.000091.H12	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội	Cấp tỉnh
1702	1.009249.H12	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	Thi đua, khen thưởng	Cấp tỉnh
1703	1.003029.H12	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	Thiết bị y tế	Cấp tỉnh
1704	1.003039.H12	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Thiết bị y tế	Cấp tỉnh
1705	1.003006.H12	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Thiết bị y tế	Cấp tỉnh
1706	3.000448.H12	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị y tế	Cấp tỉnh
1707	3.000449.H12	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	Thiết bị y tế	Cấp tỉnh
1708	1.014137.H12	Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế	Bảo hiểm y tế	Cấp tỉnh
1709	1.014138.H12	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Bảo hiểm y tế	Cấp tỉnh
1710	1.014139.H12	Ký phụ lục hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Bảo hiểm y tế	Cấp tỉnh
1711	3.000499.H12	Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Bảo hiểm y tế	Cấp tỉnh
1712	1.014140.H12	Thủ tục thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và người tham gia bảo hiểm y tế	Bảo hiểm y tế	Cấp tỉnh
1713	1.013871.H12	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần	Giám định	Cấp tỉnh
1714	1.013876.H12	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần	Giám định	Cấp tỉnh
1715	1.115116.H12	Đề nghị sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại	Trẻ em	Cấp tỉnh
1716	1.004946.H12	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Dân số - bà mẹ trẻ em	Cấp xã
1717	1.004944.H12	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Dân số - bà mẹ trẻ em	Cấp xã
1718	1.014331.H12	Cấp Giấy chứng sinh	Dân số - bà mẹ trẻ em	Cấp xã
1719	1.014332.H12	Cấp lại Giấy chứng sinh	Dân số - bà mẹ trẻ em	Cấp xã
1720	2.001661.H12	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội	Cấp xã
1721	2.001947.H12	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Dân số - bà mẹ trẻ em	Cấp xã
1722	1.004941.H12	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Dân số - bà mẹ trẻ em	Cấp xã
1723	2.001944.H12	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Dân số - bà mẹ trẻ em	Cấp xã
1724	2.001942.H12	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Dân số - bà mẹ trẻ em	Cấp xã
1725	1.001699.H12	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Cấp xã
1726	1.001653.H12	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Cấp xã
1727	1.014027.H12	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	Cấp xã
1728	1.014028.H12	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	Cấp xã
XI	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**			
1729	3.000604.H12	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Hội nghị, hội thảo	Cấp tỉnh
1730	3.000605.H12	Phê duyệt chủ trương đăng cai hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Hội nghị, hội thảo	Cấp tỉnh
1731	1.001231.H12	Cấp Giấy phép lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài	Cấp Giấy phép	Cấp tỉnh
1732	1.001239.H12	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài	Cấp Giấy phép	Cấp tỉnh
XII	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA THANH TRA TỈNH**			
1733	2.002499.H12	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	Tiếp công dân và xử lý đơn	Cấp tỉnh
1734	1.010943.H12	Thủ tục tiếp công dân cấp tỉnh	Tiếp công dân và xử lý đơn	Cấp tỉnh
1735	2.002407.H12	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Giải quyết khiếu nại	Cấp tỉnh
1736	2.002411.H12	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Giải quyết khiếu nại	Cấp tỉnh
1737	2.002394.H12	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	Giải quyết tố cáo	Cấp tỉnh

1738	2.002501.H12	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Tiếp công dân và xử lý đơn	Cấp xã
1739	1.010945.H12	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân và xử lý đơn	Cấp xã
1740	2.002409.H12	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại	Cấp xã
1741	2.002396.H12	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo	Cấp xã
1742	2.002400.H12	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng	Cấp xã
1743	2.002401.H12	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng	Cấp xã
1744	2.002403.H12	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Phòng, chống tham nhũng	Cấp xã
XIII	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA CÔNG AN TỈNH**			
1745	3.000242.H12	Cấp văn bản đồng ý cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	Xuất cảnh, nhập cảnh	Cấp tỉnh
1746	1.115394.H12	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Cấp xã
1747	1.115395.H12	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Cấp xã
1748	1.012537.H12	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	Chính sách	Cấp xã
1749	1.012538.H12	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	Chính sách	Cấp xã
1750	1.013313.H12	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	Đăng ký, quản lý cư trú	Cấp xã
1751	1.013314.H12	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	Đăng ký, quản lý cư trú	Cấp xã
XIV	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**			
1752	1.014965.H12	Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp thôi hành nghề Quản tài viên theo nguyện vọng cá nhân	Quản tài viên và hành nghề, thanh lý tài sản	Cấp tỉnh
1753	1.014966.H12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề	Quản tài viên và hành nghề, thanh lý tài sản	Cấp tỉnh
1754	2.001130.H12	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với người đề nghị là công dân Việt Nam	Quản tài viên và hành nghề, thanh lý tài sản	Cấp tỉnh
1755	1.002681.H12	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với người đề nghị là luật sư nước ngoài, kiểm toán viên là người nước ngoài	Quản tài viên và hành nghề, thanh lý tài sản	Cấp tỉnh
1756	2.001117.H12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng được	Quản tài viên và hành nghề, thanh lý tài sản	Cấp tỉnh
1757	1.002626.H12	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quản tài viên và hành nghề, thanh lý tài sản	Cấp tỉnh
1758	1.001600.H12	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên và hành nghề, thanh lý tài sản	Cấp tỉnh
1759	1.013803.H12	Bổ nhiệm công chứng viên	Công chứng	Cấp tỉnh
1760	1.013818.H12	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Cấp tỉnh
1761	1.013836.H12	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Công chứng	Cấp tỉnh
1762	1.013853.H12	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Công chứng	Cấp tỉnh
1763	1.013835.H12	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng	Cấp tỉnh
1764	1.013832.H12	Thu hồi Thẻ công chứng viên	Công chứng	Cấp tỉnh
1765	1.013807.H12	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Cấp tỉnh
1766	1.013849.H12	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	Cấp tỉnh
1767	1.013806.H12	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Công chứng	Cấp tỉnh
1768	1.013810.H12	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng	Cấp tỉnh
1769	1.013856.H12	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	Công chứng	Cấp tỉnh
1770	1.013834 .H12	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	Cấp tỉnh
1771	1.013808.H12	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Cấp tỉnh
1772	1.013846.H12	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	Công chứng	Cấp tỉnh
1773	1.013839.H12	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	Cấp tỉnh

1774	3.000444.H12	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Cấp tỉnh
1775	1.013859.H12	Cấp thẻ công chứng viên	Công chứng	Cấp tỉnh
1776	1.013852.H12	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	Công chứng	Cấp tỉnh
1777	1.013812.H12	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	Cấp tỉnh
1778	1.013843.H12	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng	Cấp tỉnh
1779	1.013830.H12	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Công chứng	Cấp tỉnh
1780	1.013840.H12	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng	Cấp tỉnh
1781	1.013816.H12	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Cấp tỉnh
1782	1.013848.H12	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	Công chứng	Cấp tỉnh
1783	1.013837.H12	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	Công chứng	Cấp tỉnh
1784	1.013842.H12	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	Cấp tỉnh
1785	1.013804.H12	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Công chứng	Cấp tỉnh
1786	1.013805.H12	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Công chứng	Cấp tỉnh
1787	2.000908.H12	Cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	Cấp tỉnh
1788	2.000884.H12	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực	Cấp tỉnh
1789	2.001008.H12	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp 1ã, Tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực	Cấp tỉnh
1790	2.000815.H12	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	Cấp tỉnh
1791	2.001008.H12	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp 1ã, Tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực	Cấp tỉnh
1792	1.003179.H12	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi	Cấp tỉnh
1793	1.003198.H12	Cấp giấy 1ác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Nuôi con nuôi	Cấp tỉnh
1794	1.003976.H12	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	Nuôi con nuôi	Cấp tỉnh
1795	1.004878.H12	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	Nuôi con nuôi	Cấp tỉnh
1796	1.003160.H12	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi	Cấp tỉnh
1797	2.002192.H12	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Bồi thường nhà nước	Cấp tỉnh
1798	2.002191.H12	Phục hồi danh dự	Bồi thường nhà nước	Cấp tỉnh
1799	2.000635.H12	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	Cấp tỉnh
1800	2.002516.H12	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Cấp tỉnh
1801	2.002039.H12	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	Quốc tịch	Cấp tỉnh
1802	2.002038.H12	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	Cấp tỉnh
1803	2.002036.H12	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	Cấp tỉnh
1804	1.005136.H12	Cấp Giấy 1ác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	Cấp tỉnh
1805	2.001895.H12	Thủ tục cấp Giấy 1ác nhận là người gốc Việt Nam	Quốc tịch	Cấp tỉnh
1806	1.003915.H12	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản	Cấp tỉnh
1807	1.000802.H12	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản	Cấp tỉnh
1808	2.002139.H12	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	Cấp tỉnh
1809	2.001225.H12	Thủ tục phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	Đấu giá tài sản	Cấp tỉnh
1810	2.000822.H12	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh
1811	2.000819.H12	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh
1812	1.008886.H12	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh
1813	1.001609.H12	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh
1814	1.008889.H12	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh
1815	1.008890.H12	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh
1816	1.008904.H12	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh
1817	1.001248.H12	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh

1818	1.008888.H12	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh
1819	1.008887.H12	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh
1820	1.008885.H12	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh
1821	1.008905.H12	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh
1822	1.008906.H12	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	Cấp tỉnh
1823	1.000404.H12	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Cấp tỉnh
1824	1.000588.H12	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật	Cấp tỉnh
1825	1.000390.H12	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Cấp tỉnh
1826	1.000614.H12	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	Cấp tỉnh
1827	1.000627.H12	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	Cấp tỉnh
1828	1.000426.H12	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Cấp tỉnh
1829	1.116546.H12	Bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1830	1.116547.H12	Công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1831	1.116548.H12	Hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1832	1.116549.H12	Công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1833	1.116550.H12	Hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1834	1.116551.H12	Thành lập và đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1835	1.116552.H12	Hợp nhất văn phòng giám định tư pháp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty hợp danh	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1836	1.116553.H12	Sáp nhập văn phòng giám định tư pháp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty hợp danh	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1837	1.116554.H12	Tạm ngừng hoạt động của văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1838	1.116555.H12	Chấm dứt hoạt động văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1839	1.001122.H12	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1840	2.000894.H12	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1841	1.009832.H12	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1842	2.000555.H12	Cấp Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1843	1.001117.H12	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1844	2.000568.H12	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1845	1.001216.H12	Chuyển đổi loại hình văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Cấp tỉnh
1846	1.000828.H12	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	Cấp tỉnh
1847	1.000688.H12	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	Cấp tỉnh
1848	1.008614.H12	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	Luật sư	Cấp tỉnh
1849	1.008624.H12	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Luật sư	Cấp tỉnh
1850	1.008628.H12	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	Luật sư	Cấp tỉnh
1851	1.001928.H12	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	Luật sư	Cấp tỉnh
1852	1.002032.H12	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Cấp tỉnh
1853	1.002055.H12	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư	Cấp tỉnh
1854	1.002079.H12	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư	Cấp tỉnh
1855	1.002198.H12	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Cấp tỉnh
1856	1.002218.H12	Hợp nhất công ty luật	Luật sư	Cấp tỉnh
1857	1.002234.H12	Sáp nhập công ty luật	Luật sư	Cấp tỉnh
1858	1.008709.H12	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư	Cấp tỉnh
1859	1.002398.H12	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư	Cấp tỉnh
1860	1.002384.H12	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư	Cấp tỉnh

1861	1.002010.H12	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Cấp tỉnh
1862	1.002099.H12	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Cấp tỉnh
1863	1.002153.H12	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư	Cấp tỉnh
1864	1.002181.H12	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Cấp tỉnh
1865	1.002368.H12	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Cấp tỉnh
1866	1.008907.H12	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1867	1.008908.H12	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1868	1.008909.H12	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1869	1.008910.H12	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1870	1.008911.H12	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1871	1.009284.H12	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1872	1.008913. H12	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1873	2.001716.H12	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1874	1.008914.H12	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1875	2.000515.H12	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1876	1.008915.H12	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập.	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1877	1.008916.H12	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1878	1.009283.H12	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Hòa giải thương mại	Cấp tỉnh
1879	1.008921.H12	Công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên	Thừa hành viên	Cấp tỉnh
1880	1.008922.H12	Bổ nhiệm Thừa hành viên	Thừa hành viên	Cấp tỉnh
1881	1.008923.H12	Miễn nhiệm Thừa hành viên	Thừa hành viên	Cấp tỉnh
1882	1.008924.H12	Bổ nhiệm lại Thừa hành viên	Thừa hành viên	Cấp tỉnh
1883	1.008925.H12	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên	Thừa hành viên	Cấp tỉnh
1884	1.008926.H12	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên	Thừa hành viên	Cấp tỉnh
1885	1.008927.H12	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa hành viên	Thừa hành viên	Cấp tỉnh
1886	1.008928.H12	Cấp lại Thẻ Thừa hành viên	Thừa hành viên	Cấp tỉnh
1887	2.000596.H12	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Cấp tỉnh
1888	2.000954.H12	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Cấp tỉnh
1889	2.000970.H12	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Trợ giúp pháp lý	Cấp tỉnh
1890	2.000977.H12	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	Trợ giúp pháp lý	Cấp tỉnh
1891	2.000587.H12	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Cấp tỉnh
1892	2.000518.H12	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Cấp tỉnh
1893	2.001680.H12	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Cấp tỉnh
1894	2.001687.H12	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Cấp tỉnh
1895	2.000592.H12	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Cấp tỉnh
1896	2.000840. H12	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Cấp tỉnh
1897	1.001233.H12	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Cấp tỉnh
1898	2.000829.H12	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Cấp tỉnh
1899	1.005464.H12	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1900	1.116556. H12	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho cá nhân)	Tiếp cận thông tin	Cấp tỉnh
1901	1.116557.H12	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp)		Cấp tỉnh
1902	2.002165.H12	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	Bồi thường nhà nước	Cấp xã
1903	2.000635.H12	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	Cấp xã
1904	2.002516.H12	xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Cấp xã
1905	1.001193.H12	Đăng ký khai sinh	Hộ tịch	Cấp xã
1906	2.000528.H12	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
1907	1.004884.H12	Đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	Cấp xã
1908	2.000522.H12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã

1909	1.001022.H12	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	Cấp xã
1910	2.000779.H12	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
1911	1.000689.H12	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	Cấp xã
1912	1.001695.H12	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
1913	1.004772.H12	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	Cấp xã
1914	1.000893.H12	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	Cấp xã
1915	1.000894.H12	Đăng ký kết hôn	Hộ tịch	Cấp xã
1916	2.000806.H12	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
1917	1.004746.H12	Đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	Cấp xã
1918	2.000513.H12	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
1919	1.000656.H12	Đăng ký khai tử	Hộ tịch	Cấp xã
1920	1.001766.H12	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
1921	1.005461.H12	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	Cấp xã
1922	2.000497.H12	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
1923	1.004837.H12	Đăng ký giám hộ	Hộ tịch	Cấp xã
1924	1.001669.H12	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
1925	1.004845.H12	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	Cấp xã
1926	2.000756.H12	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
1927	3.000323.H12	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	Cấp xã
1928	3.000322.H12	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	Cấp xã
1929	1.004859.H12	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, 1ác định lại dân tộc	Hộ tịch	Cấp xã
1930	2.000748.H12	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, 1ác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
1931	2.002189.H12	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
1932	2.000554.H12	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
1933	2.000547.H12	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; 1ác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch	Cấp xã
1934	1.003583.H12	Đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	Cấp xã
1935	1.000593.H12	Đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	Cấp xã
1936	1.000419.H12	Đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	Cấp xã
1937	1.004873.H12	Cấp Giấy 1ác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	Cấp xã
1938	2.000908.H12	Cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	Cấp xã
1939	2.000815.H12	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	Cấp xã
1940	2.000884.H12	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực	Cấp xã
1941	2.000992.H12	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp 1ã, tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực	Cấp xã
1942	2.001008.H12	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp 1ã, Tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực	Cấp xã
1943	2.001035.H12	Thủ tục chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Chứng thực	Cấp xã
1944	2.001019.H12	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng thực	Cấp xã
1945	2.001016.H12	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực	Cấp xã
1946	2.001406.H12	Thủ tục chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	Cấp xã
1947	2.000913.H12	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	Chứng thực	Cấp xã
1948	2.000927.H12	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Chứng thực	Cấp xã
1949	2.000942.H12	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực	Cấp xã
1950	2.0004 24.H12	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	Hòa giải	Cấp xã
1951	2.000373.H12	Công nhận hòa giải viên	Hòa giải	Cấp xã
1952	2.000950. H12	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Hòa giải	Cấp xã
1953	2.000930.H12	Thôi làm hòa giải viên	Hòa giải	Cấp xã
1954	2.002080.H12	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Hòa giải	Cấp xã
1955	2.002621.H12	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2 nhóm liên thông	Cấp xã
1956	2.002622.H12	Đăng ký khai tử, 1óa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	3 nhóm liên thông	Cấp xã
1957	2.001457.H12	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Tuyên truyền viên	Cấp xã
1958	2.001449.H12	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	Tuyên truyền viên	Cấp xã
1959	2.001263.H12	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	Cấp xã

1960	2.002363.H12	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi	Cấp xã
1961	2.001255.H12	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	Cấp xã
XV	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**			
1962	1.009647.H12	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1963	1.009731.H12	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1964	1.009665.H12	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1965	1.009736.H12	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1966	1.009729.H12	Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1967	1.009671.H12	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đâu tư	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1968	1.009664.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1969	1.009662.H12	Thủ tục thông báo về việc tự quyết định chấm dứt hoạt động dự án của nhà đầu tư	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1970	1.009661.H12	Thủ tục thông báo về việc tự quyết định ngừng hoạt động dự án của nhà đầu tư	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1971	1.009659.H12	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1972	1.009646.H12	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1973	1.009645.H12	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1974	1.009644.H12	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1975	1.009642.H12	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1976	1.115143.H12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1977	1.115146.H12	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1978	1.115147.H12	Thủ tục áp dụng biện pháp bảo đảm đầu tư	Đầu tư tại Việt nam	Cấp tỉnh
1979	1.009491.H12	Trình tự dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	Đầu tư theo phương thức PPP	Cấp tỉnh
1980	1.009492.H12	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán	Đầu tư theo phương thức PPP	Cấp tỉnh
1981	2.002058.H12	Xác nhận chuyên gia (cấp tỉnh)	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	Cấp tỉnh
1982	2.002603.H12	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Bộ Tài chính)	Cấp tỉnh
1983	2.000765.H12	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (Cấp tỉnh)	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Bộ Tài chính)	Cấp tỉnh
1984	2.000746.H12	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (cấp tỉnh)	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Bộ Tài chính)	Cấp tỉnh
1985	1.001664.H12	Giải ngân khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp (cấp tỉnh)	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Cấp tỉnh
1986	1.014316.H12	Hỗ trợ chi phí	Hỗ trợ đầu tư	Cấp tỉnh
1987	1.010029.H12	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1988	1.010026.H12	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1989	1.010010.H12	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1990	2.002043.H12	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1991	2.001199.H12	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh

1992	2.001583.H12	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1993	2.001610.H12	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1994	2.002042.H12	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1995	2.002041.H12	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1996	1.005169.H12	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1997	2.002011.H12	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1998	2.002009.H12	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
1999	2.002008.H12	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2000	2.002044.H12	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2001	2.002069.H12	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2002	2.002045.H12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2003	2.002085.H12	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2004	2.002057.H12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2005	2.002060.H12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2006	2.002034.H12	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2007	2.002033.H12	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2008	2.002032.H12	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2009	2.002018.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2010	2.002017.H12	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2011	2.002015.H12	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2012	2.002029.H12	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2013	2.002031.H12	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2014	2.002020.H12	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2015	2.002016.H12	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2016	2.002023.H12	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2017	2.000368.H12	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2018	2.000416.H12	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2019	2.002418.H12	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh
2020	2.002004.H12	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh

2021	2.002005.H12	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh
2022	2.000005.H12	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh
2023	1.000016.H12	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh
2024	2.001999.H12	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh
2025	2.000024.H12	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cấp tỉnh
2026	2.002842. H12	Đề nghị hoàn trả số tiền thuê lại đất mà chủ đầu tư đã giảm cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê đất, thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ	Hỗ trợ doanh nghiệp	Cấp tỉnh
2027	1.0145 65.H12	Đăng ký kinh doanh lần đầu, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, đăng ký cấp lại, hiệu đính thông tin đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học công nghệ, chi nhánh của tổ chức khoa học công nghệ	Đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
2028	1.014566.H12	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, chấm dứt kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
2029	1.014567.H12	Đề nghị thu hồi giấy tờ trong trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ là giả mạo	Đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh
2030	1.116038.H12	Đăng ký thay đổi nội dung, cập nhật, bổ sung thông tin, cấp lại giấy chứng nhận, hiệu đính thông tin đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, chi nhánh, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội. Đăng ký hoạt động lần đầu của chi nhánh, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội	đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội	Cấp tỉnh
2031	1.116039.H12	Đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội	đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội	Cấp tỉnh
2032	1.012735.H12	Hiệp thương giá	Quản lý giá	Cấp tỉnh
2033	1.012744.H12	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Quản lý giá	Cấp tỉnh
2034	3.000410.H12	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	Quản lý công sản	Cấp tỉnh
2035	3.000291.H12	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Quản lý công sản	Cấp tỉnh
2036	3.000257.H12	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	Quản lý công sản	Cấp tỉnh
2037	3.000256.H12	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	Quản lý công sản	Cấp tỉnh
2038	1.011769.H12	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Quản lý công sản	Cấp tỉnh
2039	1.012507.H12	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Đấu thầu	Cấp tỉnh
2040	1.014736.H12	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Quản lý chương trình mục tiêu Quốc Gia	Cấp tỉnh
2041	1.013040.H12	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	Cấp tỉnh
2042	1.014535 .H12	Quyết định miễn, giảm tiền thuê nhà cho tổ chức, cá nhân thuê nhà	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	Cấp tỉnh
2043	1.014371.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2044	2.002641.H12	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2045	2.002649.H12	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã

2046	2.002648.H12	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2047	2.002636.H12	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2048	2.002635.H12	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2049	2.002639.H12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2050	2.002637.H12	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2051	2.002643.H12	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2052	2.002642.H12	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2053	2.002638.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2054	1.004901.H12	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2055	2.001958.H12	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2056	1.004979.H12	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2057	1.004982.H12	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2058	1.005010.H12	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2059	1.005277.H12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2060	2.002123.H12	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2061	1.005280.H12	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2062	1.005378.H12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2063	3.000410.H12	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Cấp xã

2064	3.000291.H12	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2065	3.000257.H12	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2066	2.002226.H12	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác không đăng ký	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2067	2.002228.H12	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2068	1.014034.H12	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2069	1.014035.H12	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2070	2.000575.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2071	1.001266.H12	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2072	1.001570.H12	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2073	2.000720.H12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2074	1.001612.H12	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2075	2.002668.H12	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2076	1.005412.H12	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2077	1.012996.H12	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2078	1.012994.H12	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2079	1.012995.H12	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	Cấp xã
2080	1.115148.H12	Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ	Tài chính Đất đai	Cấp xã; cơ quan thuế
2081	1.014737.H12	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	Quản lý chương trình mục tiêu Quốc Gia	Cấp xã
2082	1.014736.H12	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Quản lý chương trình mục tiêu Quốc Gia	Cấp xã
2083	1.013040.H12	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	Cấp xã

TỔNG SỐ: CÓ 2.083 TTHC./.